

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 – VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2 – CÁC SƠ ĐỒ VÀ BẢN VẼ

PHỤ LỤC 3 – KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC 4 – BIÊN BẢN BÀN GIAO, CHỨNG TỪ CHẤT THẢI

PHỤ LỤC 1
VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 1.1

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

1. Giấy chứng nhận đầu tư mã số 2121592824 do Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 05 năm 2011.
2. Giấy chứng nhận đầu tư mã số 2121592824 do Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 4 năm 2021.
3. Giấy chứng nhận đầu tư mã số 2121592824 do Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 07 năm 2023.
4. Đăng ký sát nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Mã số 0303163388, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 02 năm 2023.
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số CT00039 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp ngày 08/02/2010.
7. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số CT27301 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp ngày 25/11/2013.
8. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số CT27300 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp ngày 25/11/2013.
9. Giấy phép xây dựng số 03/GPXD/QHXD-KCNC ngày 20/10/2004 do Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cấp
10. Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 01/2004/MT-KCNC ngày 31/05/2004 cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Plastic.
11. Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 02/2004/MT-KCNC ngày 31/05/2004 cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.
12. Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 03/2004/MT-KCNC ngày 31/05/2004 cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Electronics.
13. Giấy chứng nhận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 50/PCCC/NT ngày 31/1/2005 do Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP.HCM cấp.
14. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000884.T
15. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 59/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 1/7/2017 giữa Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies và Ban quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh

16. Hợp đồng thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt) không nguy hại số 45A/HĐ-SHTPCo-KDDV ngày 01/07/2023 giữa Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies và Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM
17. Hợp đồng mua bán phế giữa Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies và Công ty TNHH Thương mại và Xử lý Môi trường Sỹ Ngân
18. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 351/2022/HĐXLCTNH/HL ngày 04/10/2022 giữa Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies và Công ty TNHH Hà Lộc.
19. Thông báo số 132/TB-KCNC ngày 18/12/2023 về kết quả kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 đối với Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **2121592824**

Chứng nhận lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2003
Chứng nhận thay đổi lần thứ 6: ngày 07 tháng 7 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra Nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp Công nghệ cao;
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1103270356 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2016, thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 4 năm 2021;
Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 5081/UBND-VX ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc điều chỉnh tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES nộp ngày 28 tháng 06 năm 2023,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2121592824, do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 14/11/2003 (điều chỉnh lần 5 ngày 19/4/2021); được đăng ký điều chỉnh người đại diện theo ủy quyền.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

CÔNG TY ALLIED TECHNOLOGIES HOLDING PTE.LTD

- Trụ sở chính: 2 Venture Drive #16-09 Vision Exchange, Singapore (608526).
- Giấy phép thành lập: 201800387N, Đăng ký tại Singapore ngày 03/01/2018.

Người diện theo ủy quyền: Ông TUNG GEE KHIM

- Năm sinh: 15/10/1965
- Quốc tịch: Singapore;
- Hộ chiếu số: K3811847G; Ngày cấp 01/02/2023; Nơi cấp: Singapore;
- Địa chỉ thường trú: Blk 59, Marine Terrace, #03-83, Singapore 440059, Singapore.

- Địa chỉ liên lạc: Lô I4, F03, Đường N3, Khu công nghệ cao TP.HCM, phường Long Thạnh Mỹ thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303163388 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/11/2003 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/02/2023.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
2. Mục tiêu dự án:



- Thiết kế, chế tạo công cụ bào, gọt và bàn ren kỹ thuật cao. Sản xuất các bộ phận dập hình nổi chính xác. Lắp ráp các bộ phận linh kiện kim loại cho máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu đọc kỹ thuật số, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng.

- Sản xuất linh kiện, chi tiết bằng nhựa chính xác cao; sản xuất chi tiết bộ phận nhựa màu bằng khuôn đúc kỹ thuật cao; thiết kế và sản xuất khuôn đúc chính xác; lắp ráp những bộ phận cơ khí chính xác cao của máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu máy DVD, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng, thiết bị y tế, trang thiết bị văn phòng.

- Sản xuất và lắp ráp những dòng sản phẩm về máy vi tính và các sản phẩm về lĩnh vực in ấn và hình ảnh, thiết bị đo đạc, hệ thống mạng và viễn thông, máy tính, thiết bị lưu trữ dữ liệu xách tay và dụng cụ y tế.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I-4, F01, F02, F03, Khu công nghệ cao TP.HCM, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Diện tích mặt đất: 78.571 m² (bảy mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một mét vuông).

5. Tổng vốn đầu tư: 326.091.233.553 VNĐ (Ba trăm hai mươi sáu tỷ không trăm chín mươi một triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi ba Đồng Việt Nam), tương đương 20.232.378 USD (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi tám Đô la Mỹ).

6. Thời hạn thực hiện dự án là 50 (năm mươi) năm từ ngày 14/11/2003.

7. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến: Đã đi vào hoạt động năm 2003

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho nhà nước:

- Doanh nghiệp được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 8 (tám) năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

2. Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3: Các điều kiện ràng buộc

- Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

- Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

- Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

- Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;



- Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;
- Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;
- Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;
- Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;
- Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, số 61/2020/QH14.
- Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư.

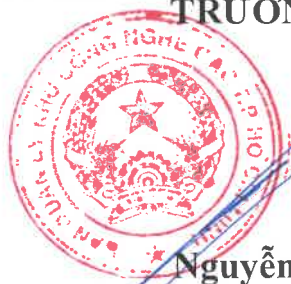
Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2121592824 cấp ngày 14/11/2003 (Thay đổi lần thứ 5 ngày 19/4/2021).

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Anh Thi

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **2121592824**

Chứng nhận lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2003
Chứng nhận thay đổi lần thứ 5: ngày 19 tháng 4 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra Nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp Công nghệ cao;
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1103270356 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 3 năm 2019;
Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 5081/UBND-VX ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc điều chỉnh tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES nộp ngày 06 tháng 04 năm 2021,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2121592824, do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 14/11/2003 (điều chỉnh lần 4 ngày 22/10/2019); được đăng ký điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

CÔNG TY ALLIED TECHNOLOGIES HOLDING PTE.LTD

Người diện pháp luật: **Bà TAN SIANG KENG**

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quốc tịch: Singapore;
- Hộ chiếu số: E6518208B, ngày 02 tháng 02 năm 2017; Nơi cấp: Singapore;
- Địa chỉ thường trú: 25 West Coast Rise #11-08 Monterey Park Condominium, Singapore (127468).
- Trụ sở chính: 11 Woodlands Close #10-11, Woodland 11, Singapore (737853).
- Giấy phép thành lập: 201800387N, Đăng ký tại Singapore ngày 03/01/2018.

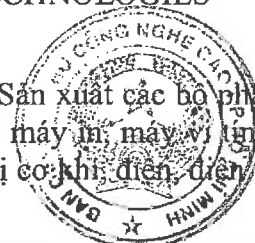
Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303163388 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/11/2003 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 25/03/2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
2. Mục tiêu dự án:

- Thiết kế, chế tạo công cụ bào, gọt và bàn ren kỹ thuật cao. Sản xuất các bộ phận dập hình nổi chính xác. Lắp ráp các bộ phận linh kiện kim loại cho máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu đọc kỹ thuật số, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng.



- Sản xuất linh kiện, chi tiết bằng nhựa chính xác cao; sản xuất chi tiết bộ phận nhựa màu bằng khuôn đúc kỹ thuật cao; thiết kế và sản xuất khuôn đúc chính xác; lắp ráp những bộ phận cơ khí chính xác cao của máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu máy DVD, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng, thiết bị y tế, trang thiết bị văn phòng.

- Sản xuất và lắp ráp những dòng sản phẩm về máy vi tính và các sản phẩm về lĩnh vực in ấn và hình ảnh, thiết bị đo đạc, hệ thống mạng và viễn thông, máy tính, thiết bị lưu trữ dữ liệu xách tay và dụng cụ y tế.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I-4, F01, F02, F03, Khu công nghệ cao TP.HCM, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Diện tích mặt đất: 78.571 m² (bảy mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một mét vuông).

5. Tổng vốn đầu tư: 326.091.233.553 VNĐ (Ba trăm hai mươi sáu tỷ không trăm chín mươi một triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi ba Đồng Việt Nam), tương đương 20.232.378 USD (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi tám Đô la Mỹ).

6. Thời hạn thực hiện dự án là 50 (năm mươi) năm từ ngày 14/11/2003.

7. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến: Đã đi vào hoạt động năm 2003

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho nhà nước:

- Doanh nghiệp được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 8 (tám) năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

2. Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3: Các điều kiện ràng buộc

- Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

- Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

- Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

- Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

- Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;



- Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

- Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

- Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;

- Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, số 61/2020/QH14.

- Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2121592824 cấp ngày 14/11/2003 (Thay đổi lần thứ 4 ngày 22/10/2019).

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Anh Thi

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 413 043 000025

*Chứng nhận lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2003
Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 06 tháng 5 năm 2011*

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000007 ngày 04/4/2007 do Ban quản lý Khu công nghệ cao cấp cho Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied, Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000025 ngày 14/11/2008 cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies, Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000027 ngày 26/12/2008 cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic;
- Căn cứ Đơn đăng ký sáp nhập doanh nghiệp và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies, Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied và Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic nộp ngày 20/8/2010, hồ sơ bổ sung ngày 18/3/2011, ngày 11/4/2011 và ngày 05/5/2011,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận :

1. CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES (Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000025 ngày 14/11/2008) thay đổi nội dung hoạt động như sau: nhận sáp nhập của CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SÀI GÒN ALLIED (Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000007 ngày 04/4/2007 và CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED PRECISION PLASTIC (Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000027 ngày 26/12/2008).

2. Nhà đầu tư : CÔNG TY ALLIED TECHNOLOGIES LTD.

- Người diện pháp luật: Ông Hsu Ching Yuh; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quốc tịch: Đài Loan; Hộ chiếu số: 216728982, ngày 11 tháng 11



năm 2008; nơi cấp: Đài Loan; Địa chỉ thường trú: 48 Westwood Walk, Singapore 648691.

- Trụ sở chính: 25 Bukit Batok, Street 22, Singapore 659591.
- Giấy phép thành lập: 199004310E; Đăng ký tại: Singapore, ngày: 31 tháng 08 năm 1990.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh

1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES**

Tên tiếng Anh: ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO.,LTD

Tên viết tắt: ATSC

2. Địa chỉ trụ sở chính: Lô I-4, F03, Khu công nghệ cao TP.HCM, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

4. Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất các sản phẩm từ plastic; Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Hsu Ching Yuh

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Quốc tịch: Đài Loan
- Hộ chiếu số: 216728982, ngày 11 tháng 11 năm 2008; nơi cấp: Đài Loan
- Địa chỉ thường trú : 48 Westwood Walk, Singapore 648691

6. Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 131.994.338.611 (một trăm ba mươi một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười một) đồng Việt Nam, tương đương 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đô la Mỹ.

7. Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES**

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I-4, F03, Khu công nghệ cao TP.HCM, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích đất sử dụng: 78.571 m².

3. Mục tiêu của dự án:

- Thiết kế, chế tạo công cụ bào, gọt và bàn ren kỹ thuật cao. Sản xuất các bộ phận dập hình nổi chính xác. Lắp ráp các bộ phận linh kiện kim loại cho máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu đọc kỹ thuật số, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng.



- Sản xuất linh kiện, chi tiết bằng nhựa chính xác cao; sản xuất chi tiết bộ phận nhựa màu bằng khuôn đúc kỹ thuật cao; thiết kế và sản xuất khuôn đúc chính xác; lắp ráp những bộ phận cơ khí chính xác cao của máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu máy DVD, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng, thiết bị y tế, trang thiết bị văn phòng.

- Sản xuất và lắp ráp những dòng sản phẩm về máy vi tính và các sản phẩm về lĩnh vực in ấn và hình ảnh, thiết bị đo đạc, hệ thống mạng và viễn thông, máy tính, thiết bị lưu trữ dữ liệu xách tay và dụng cụ y tế.

- Cho thuê một phần diện tích nhà xưởng (dư thừa) cho các dự án công nghệ cao được Ban quản lý chấp thuận.

4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 326.091.233.553 (ba trăm hai mươi sáu tỷ không trăm chín mươi một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng Việt Nam, tương đương 20.232.378 (hai mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám) đô la Mỹ

5. Thời hạn thực hiện dự án là 50 (năm mươi) năm từ ngày 14/11/2003.

6. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến: Đã đi vào hoạt động năm 2003

7. Các ưu đãi đối với dự án như sau:

a. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho nhà nước:

- Đối với hoạt động sản xuất:

+ Doanh nghiệp được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được trong suốt thời gian thực hiện dự án.

+ Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

+ Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 8 (tám) năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

- Hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng:

Hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng được hạch toán riêng và áp dụng theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Điều 3: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

Điều 4: Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư, Điều lệ doanh nghiệp. Mọi điều khoản của Điều lệ Doanh nghiệp trái với nội dung của Giấy chứng nhận đầu tư



này và pháp luật Việt Nam phải được hiểu theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư này và pháp luật Việt Nam.

Điều 5: Giấy chứng nhận đầu tư này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ của CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES, có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000007 ngày 04/4/2007 của Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied, Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000025 ngày 14/11/2008 của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies, Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000027 ngày 26/12/2008 của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic.

Điều 6: Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 2 (hai) bản gốc; một bản cấp cho CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES, một bản lưu tại Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN**



Lê Thái Hỷ

Sao gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân thành phố.

ĐĂNG KÝ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Kính gửi: **BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)**

Bên tiếp nhận kinh doanh: CTY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES.

Đang thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư số 413043000025, được cấp tại Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao ngày 14 tháng 11 năm 2008.

Các công ty có tên dưới đây, đăng ký sáp nhập doanh nghiệp với nội dung sau :

(A). BÊN TIẾP NHẬN KINH DOANH:

1. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES**

Tên tiếng Anh : **ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO.,LTD**

Tên viết tắt : **ATSC**

2. Địa chỉ trụ sở chính: **Lô I4, FO3, Đường Lê Văn Việt, Khu Công Nghệ Cao Q9, TP. HCM**

3. Loại hình doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: **Ông HSU CHING YUH.**

- Chức vụ: **Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

- Quốc tịch: **Đài Loan**

- Số Passport: **216728982, Cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 tại Đài Loan.**

(B) BÊN BỊ SÁP NHẬP

1. Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED PRECISION PLASTIC.**

Tên tiếng Anh : **ALLIED PRECISION PLASTIC (SAIGON) CO., LTD.**

Tên viết tắt : **APPSC**

2. Địa chỉ trụ sở chính: **Lô I4, FO1 Đường Lê Văn Việt, Khu Công Nghệ Cao Q9, TP. HCM.**

3. Loại hình doanh nghiệp : **Công Ty TNHH Một Thành Viên**

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: **Ông HSU CHING YUH**

- Chức vụ: **Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

- Quốc tịch: **Đài Loan**

- Số Passport: **216728982, Cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 tại Đài Loan.**

1. Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SÀI GÒN ALLIED**

Tên tiếng Anh : **ALLIED ELECTRONICS (SAIGON) CO., LTD.**

Tên viết tắt : **AESC**

2. Địa chỉ trụ sở chính: **Lô I4, FO2 Đường Lê Văn Việt, Khu Công Nghệ Cao Q9, TP. HCM.**

3. Loại hình doanh nghiệp : **Công Ty TNHH Một Thành Viên**

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: **Ông HSU CHING YUH**

- Chức vụ: **Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

- Quốc tịch: **Đài Loan**

- Số Passport: **216728982, Cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 tại Đài Loan.**

I. Nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp**1. Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES****Tên tiếng Anh :ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO.,LTD****Tên viết tắt : ATSC****2. Địa chỉ trụ sở chính:** Lô I4, FO3, Đường Lê Văn Việt, Khu Công Nghệ Cao Q9, TP. HCM**3. Loại hình doanh nghiệp:** CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:** Ông HSU CHING YUH.

- Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch: Đài Loan

- Số Passport: 216728982, Cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 tại Đài Loan

5. Ngành, nghề kinh doanh:

Công ty	Trước khi sáp nhập	Công ty	Sau khi sáp nhập
ATSC	Sản xuất các bộ phận làm bằng kim loại dập nổi chính xác, thiết kế và sản xuất máy phay kỹ thuật cao, lắp ráp bộ phận bằng kim loại cho máy in, máy tính cá nhân, thiết bị mạng và thiết bị viễn thông, máy quay đĩa DVD, dụng cụ cơ khí, sản phẩm điện tử, dụng cụ điện tử dân dụng.	ATSC	- Sản xuất các cấu kiện kim loại.(2511) - Sản xuất linh kiện điện tử. (2610) - Sản xuất thiết bị truyền thông. (2630) - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. (2640) - Sản xuất đồ điện dân dụng. (2750) - Sản xuất các sản phẩm từ plastic (2220). - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng(3250) - Cho thuê văn phòng, nhà xưởng
APPSC	Sản xuất, lắp ráp sơ bộ các sản phẩm, phụ tùng nhựa chính xác, phụ tùng bằng nhựa cho khuôn kỹ thuật cao, thiết kế và sản xuất khuôn mẫu chính xác, sản xuất và lắp ráp phụ tùng cơ khí và bằng nhựa có độ chính xác cao cho máy in, máy tính cá nhân, thiết bị mạng và thiết bị viễn thông, máy quay đĩa DVD, dụng cụ cơ khí, sản phẩm điện tử, dụng cụ điện tử dân dụng, dụng cụ y tế và thiết bị văn phòng.		
AESC	Cho thuê nhà xưởng, sản xuất và lắp ráp máy tính cá nhân và các sản phẩm liên quan như máy in, máy sao chụp ảnh, dụng cụ đo, thiết bị mạng và thiết bị viễn thông, bộ phận máy tính và lưu trữ liệu và thiết bị y tế..		

6. Vốn điều lệ :

Công Ty	Trước khi sáp nhập		Sau khi	Sau khi sáp nhập	
	VND	USD		VND	USD
ATSC	79,398,609,503	5,000,000	ATSC	131,994,338,611	8,300,000
APPSC	24,287,849,108	1,500,000			
AESC	28,307,880,000	1,800,000			
Tổng cộng	131,994,338,611	8,300,000		131,994,338,611	8,300,000



II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I4, FO3 Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Q9, TP. HCM;

Diện tích đất sử dụng:

Công Ty	Trước khi sáp nhập	Công Ty	Sau khi sáp nhập
ATSC	41,571 m2	ATSC	78,571 m2
APPSC	18,500 m2		
AESC	18,500 m2		
Tổng cộng	78,571 m2		78,571 m2

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Thiết kế, chế tạo công cụ bào, gọt và bàn ren kỹ thuật cao. Sản xuất các bộ phận dập hình nổi chính xác. Lắp ráp các bộ phận linh kiện kim loại cho máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu đọc kỹ thuật số, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng.
- Sản xuất linh kiện, chi tiết bằng nhựa chính xác cao; sản xuất chi tiết bộ phận nhựa màu bằng khuôn đúc kỹ thuật cao; thiết kế và sản xuất khuôn đúc chính xác; lắp ráp những bộ phận cơ khí chính xác cao của máy in, máy vi tính, máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu máy DVD, tất cả các thiết bị cơ khí, điện, điện tử gia dụng, thiết bị y tế, trang thiết bị văn phòng.
- Sản xuất và lắp ráp những dòng sản phẩm về máy vi tính và các sản phẩm về lĩnh vực in ấn và hình ảnh, thiết bị đo đạc, hệ thống mạng và viễn thông, máy tính, thiết bị lưu trữ dữ liệu xách tay và dụng cụ y tế. Cho thuê một phần diện tích nhà xưởng.

Doanh thu mục tiêu mỗi năm (Từ năm 2010 trở đi)

Tên sản phẩm	Đơn vị	2010				2011				Năm sản xuất ổn định (2 năm sau khi sáp nhập)			
		Số lượng (cái)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ tiêu thụ (%)		Số lượng (pcs)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ tiêu thụ (%)		Số lượng (pcs)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ tiêu thụ (%)	
				Nội địa	Xuất khẩu			Nội địa	Xuất khẩu			Nội địa	Xuất khẩu
1. Các câu kiện kim loại, nhựa dập nổi chính xác.	Pcs	40,000,000	6,000,000	60	40	48,000,000	7,500,000	60	40	67,200,000	11,250,000	60	40
2. Công cụ bào, gọt, bàn ren kỹ thuật cao	Set	30	500,000	60	40	36	625,000	60	40	50	937,500	60	40
3. Lắp ráp các bộ phận linh kiện kim loại cho máy in, máy vi tính và máy mạng, thiết bị viễn thông, đầu đọc kỹ thuật số, thiết bị cơ khí, điện tử, điện gia dụng.	Pcs	10,000,000	1,500,000	60	40	12,000,000	1,875,000	60	40	16,800,000	2,812,500	60	40
Tổng cộng			8,000,000				10,000,000				15,000,000		

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 326,091,233,553 VND, tương đương 20,232,378 USD.

Trong đó:

a) Vốn điều lệ đã góp: 131,994,338,611 VND, tương đương 8,300,000 USD.

Vốn vay : 194,096,894,942 VND, tương đương 11,932,378 USD :

b) Vốn vay đã góp: 134,416,004,592 VND, tương đương 7,734,431 USD

Tiến độ góp vốn phần còn lại:

Năm 2011	1,197,947	USD
Năm 2012	1,000,000	USD
Năm 2013	1,000,000	USD
Năm 2014	1,000,000	USD

Chi tiết vốn đầu tư đã góp trước và sau khi được sắp nhập:**Vốn điều lệ**

Công ty	VND	USD	Công ty	VND	USD
ATSC	79,398,609,503	5,000,000	ATSC	131,994,338,611	8,300,000
APPSC	24,287,849,108	1,500,000			
AESC	28,307,880,000	1,800,000			
Tổng cộng	131,994,338,611	8,300,000		131,994,338,611	8,300,000

Vốn vay

Công ty	VND	USD	Công ty	VND	USD
ATSC	52,529,109,650	2,802,053	ATSC	134,416,004,592	7,734,431
APPSC	38,812,564,942	2,462,378			
AESC	43,074,330,000	2,470,000			
Tổng cộng	134,416,004,592	7,734,431		134,416,004,592	7,734,431

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm(tính từ 14/03/2003)

6. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

- Đối với hoạt động sản xuất : được hưởng theo ưu đãi đã cấp.
- Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng được hưởng thuế suất thông thường theo quy định.

III. Các nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

TP.HCM, ngày 20 tháng 7 năm 2010



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0303163388

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 24 tháng 02 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: ATSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô I-4, F03, Đường N3, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+848) 37335663

Fax: (+848) 37335668

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

131.994.338.611 đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng

tương đương 8.300.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY ALLIED TECHNOLOGIES HOLDINGS PTE.LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 201800387N

Ngày cấp: 03/01/2018 Nơi cấp: Singapore

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Woodlands Close #10-11, Woodlands 11, Singapore (737853), Singapore

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TUNG GEE KHIM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1965

Dân tộc: Quốc tịch:

Singapore

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hệ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: K3811847G

Ngày cấp: 01/02/2023

Nơi cấp: Singapore

Địa chỉ thường trú: *Blk 59, Marine Terrace, #03-83, Singapore 440059, Singapore*

Địa chỉ liên lạc: *Lô I4, F03, Đường N3, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Hoàng Sơn

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số: 305, tờ bản đồ số: 42, 43 BDC phường Long Thanh Mỹ, quận 9 (theo tài liệu năm 2004)
- b) Địa chỉ: phường Long Thanh Mỹ, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- c) Diện tích: 41.571 m² (bằng chữ: Bốn mươi một ngàn năm trăm bảy mươi một mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 35.353,6 m², chung: 6.217,4 m².
- đ) Mục đích sử dụng: Đất trong khu công nghệ cao.
- e) Thời hạn sử dụng: Hết hạn ngày 11/12/2053.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: NHÀ XƯỞNG F03

Lô số I-4 F03 Khu công nghệ cao, quận 9.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sử dụng
Nhà xưởng	8.640 m ²	8.640 m ²	Tường gạch+tôn có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, mái tôn.		01	2004	
Nhà Văn phòng	1.632 m ²	3.228 m ²	Tường gạch, khung sàn mái BTCT		02	2004	

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Giấy chứng nhận này được cấp do thuê lại đất trong khu công nghệ cao theo hồ sơ số 000264, để thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00016/1a ngày 17/11/2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, Giấy phép xây dựng số 03/GPXD/QHXD-KCNC do BQL Khu công nghệ cao cấp ngày 20/10/2004, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày 25/01/2006 và xác nhận công trình xây dựng theo đúng dự án được duyệt của BQL Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh ngày 15/2/2006.

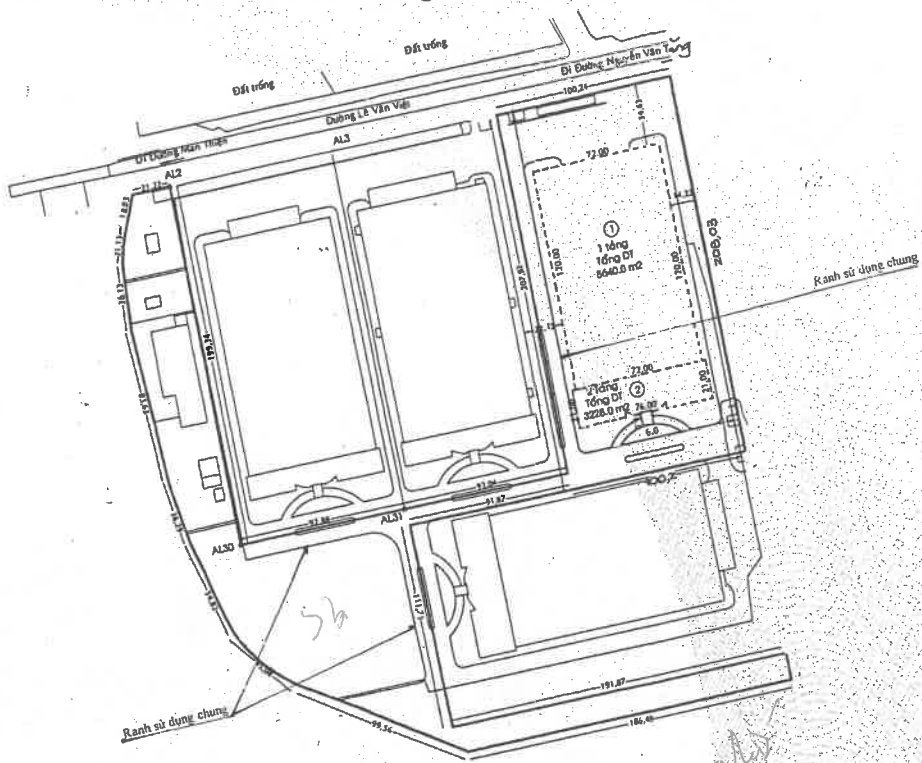
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2010
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đào Anh Kiệt

Số vào sổ cấp GCN: 1700019

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Phần chi tiết về sử dụng đất xem bản đồ hiện trạng vị trí số 7697/ĐĐ-GĐ-TNMT được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 20/7/2009.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
HUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 1700019 quyền số: SCT/BS Ngày: 27-08-2013 TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 9 PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 9 Nguyễn Chi Tuyết	

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 6 8 3 3 1 0 0 0 0 1 6 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **BẢN SẠO**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000025 do Ban Quản lý khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 14/11/2008.
Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1-4, F03, Khu công nghệ cao, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

BA 881082

1. Thửa đất:

2. Nhà ở: -/-

Tên công trình: Nhà xương I-4 F01

Thời hạn sở hữu: Đến ngày 11/12/2053

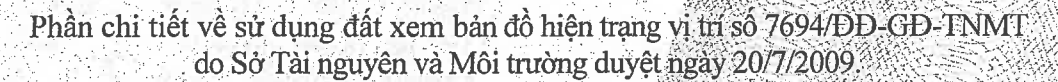
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Khi hết hạn thuê đất, việc xử lý về sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất thuê được giải quyết theo quy định pháp luật.

Đào Anh Kiệt

III- Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
1. Thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký: Khi có thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký, chủ sở hữu phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký cho cơ quan đăng ký. Việc đăng ký thay đổi nội dung hồ sơ đăng ký phải được thực hiện trước khi thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu. 2. Thay đổi chủ sở hữu: Khi có thay đổi chủ sở hữu, chủ sở hữu phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho cơ quan đăng ký. Việc đăng ký thay đổi chủ sở hữu phải được thực hiện trước khi thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu. 3. Thay đổi địa điểm đăng ký: Khi có thay đổi địa điểm đăng ký, chủ sở hữu phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi địa điểm đăng ký cho cơ quan đăng ký. Việc đăng ký thay đổi địa điểm đăng ký phải được thực hiện trước khi thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu. 4. Thay đổi loại hình đăng ký: Khi có thay đổi loại hình đăng ký, chủ sở hữu phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi loại hình đăng ký cho cơ quan đăng ký. Việc đăng ký thay đổi loại hình đăng ký phải được thực hiện trước khi thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu. 5. Thay đổi thời hạn đăng ký: Khi có thay đổi thời hạn đăng ký, chủ sở hữu phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi thời hạn đăng ký cho cơ quan đăng ký. Việc đăng ký thay đổi thời hạn đăng ký phải được thực hiện trước khi thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu.	

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



79 26833 13 007882

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000025, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 06/5/2011 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô số I-4 P03 Khu Công nghệ cao, quận 9, TP. HCM.

BP 443130

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 303 Tờ bản đồ số: 43 Bộ Địa chính
phường Long Thạnh Mỹ, quận 9 (theo tài liệu năm 2004).
- b) Địa chỉ: Lô số I-4 F02 Khu Công nghệ cao TP. HCM, quận 9, TP. HCM.
- c) Diện tích: 18.500,0m² (bằng chữ: Mười tám ngàn năm trăm mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 13.176,9 m², chung: 5.323,1 m².
- đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghệ cao.
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 11/12/2053.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng I-4 F02

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp CT	Số tầng	Năm HT xây dựng
1) Nhà xưởng	9.299,3	18.515,3	Tường gạch + tôn có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, mái tôn	-/-	02	2004
2) Nhà Văn phòng	1.024,0	2.012,0	Tường gạch, khung sàn mái BTCT	-/-	02	2004

Thời hạn sở hữu: Đến ngày 11/12/2053

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp do sáp nhập công ty theo hồ sơ số 008651, để thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00038 ngày 08/02/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

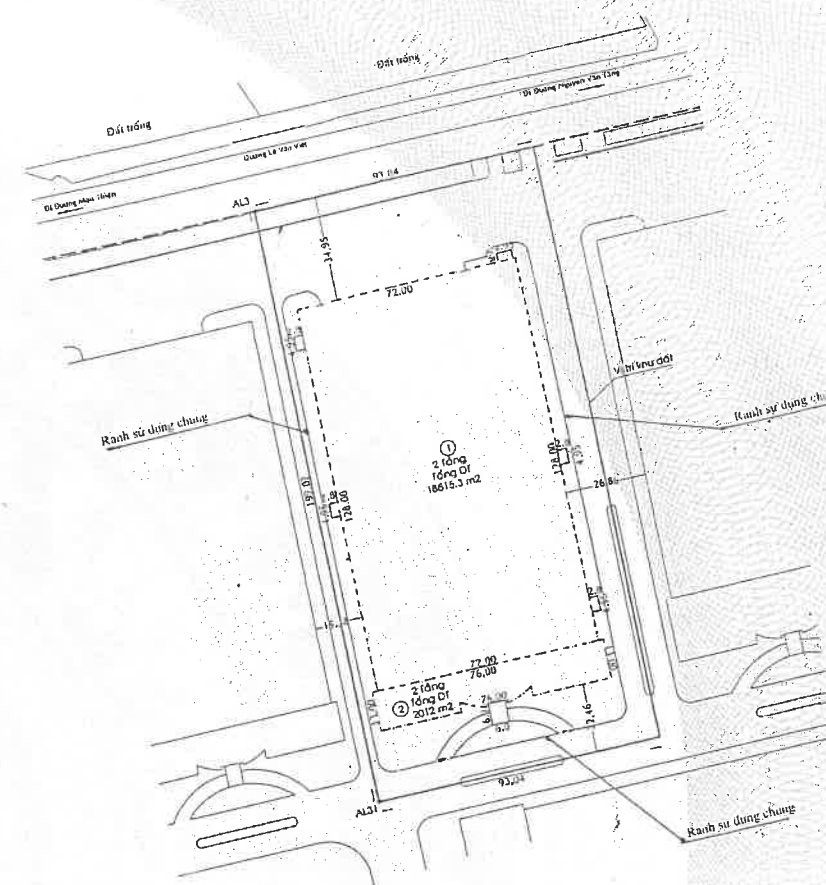
- Khi hết hạn thuê đất, việc xử lý về sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất thuê được giải quyết theo quy định pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2015
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT.27300

III- Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:



Phản chi tiết về sử dụng đất xem bản đồ hiện trạng vị trí số 7695/ĐĐ-GD-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 20/7/2009.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



79 26833 13 007881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000025, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 06/5/2011 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô số I-4 F03 Khu Công nghệ cao, quận 9, TP. HCM.

BP 443129

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Số: 03/GPXD/QHXD-KCNC

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Xây dựng mới	x
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho : Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.
2. Trụ sở : Lô I4 F03 - Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 94-8-7330890

Số fax: 84-8-7330889

3. Được phép xây dựng công trình: **NHÀ XƯỞNG.**
4. Theo thiết kế có ký hiệu: **F -03 - SHEET METAL STAMPING**, gồm 07 bản vẽ:
AL-A-F03-PL-01(02,03)-R1; AL-A-F03-EL-01(02) -R1; AL-A-F03-SE-01-R1; AL-S-F03-FI-01-R2
5. Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH TVXD Sài Gòn (SCC)

- Gồm các hạng mục sau đây:

+ Kết cấu công trình:

- Nhà xưởng F01 (01 tầng) có kết cấu chính bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường gạch kết hợp tole có lớp cách nhiệt, mái lợp tole có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.
- Khu văn phòng (02 tầng) có kết cấu chính bằng BTCT, tường gạch, mái bằng BTCT.

+ Chiều cao từng tầng: so với nền nhà là:

- Khu nhà xưởng (01 tầng) : cao từ 11~ 17,5m.
- Khu văn phòng (02 tầng) : tầng 1: cao 6m; tầng 2: cao 5m.

+ Chiều cao toàn công trình : so với nền nhà là: 17,5m.

+ Diện tích xây dựng: $(21 \times 76) + (8 \times 15 \times 72) + (6 \times 6) = 10.272m^2$.

+ Diện tích sàn xây dựng: $11.868m^2$.

- Trên lô đất: I4 giai đoạn I là $10.000m^2$, đường Lê Văn Việt - thuộc Phường Long Thạnh Mỹ - Q.9 - TP.HCM.
- Cao độ nền: cao độ chuẩn là cao độ mặt đường trong Khu I4 (cổng: +2.65 (tim đường))
- Chỉ giới xây dựng: cách tường rào đường Lê Văn Việt 35m, và theo định vị của quy hoạch chi tiết 1/500.

6. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTD/KCNC-2003 ngày 11/12/2003.
7. Thời gian hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày khởi công xây dựng.
8. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2004

TRƯỞNG BAN

Phạm Chánh Trực

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Số: 01.GPXD.QHXC-KCNC

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

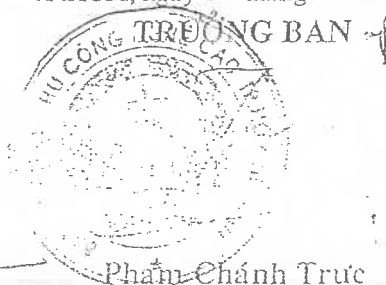
Xây dựng mới	x
Cải tạo, sửa chữa	

- Cấp cho : Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision.
- Trụ sở : Lô I4 F01 - Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 94-8-7330890 Số fax: 84-8-7330889
- Được phép xây dựng công trình: **NHÀ XƯỞNG.**
- Theo thiết kế có ký hiệu: **F-01 - PLASTIC MOULDING**, gồm 07 bản vẽ theo ký hiệu:
AL-A-F01-PL-01(02,03)-R1; AL-A-F01-EL-01(02)-R1; AL-A-F01-SE-01-R1; AL-S-F01-FT-01-R2
- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH TVXD Sài Gòn (SCC)
 - Gồm các hạng mục sau đây:
 - + Kết cấu công trình:
 - Khu Nhà xưởng F01 (01 tầng) có kết cấu chính bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường gạch kết hợp tole có lớp cách nhiệt, mái lợp tole có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.
 - Khu văn phòng (02 tầng) có kết cấu chính bằng BTCT, tường gạch, mái bằng BTCT.
 - + Chiều cao từng tầng: so với nền nhà là:
 - Khu nhà xưởng (01 tầng): cao từ 11~ 17,5m.
 - Khu văn phòng (02 tầng) : tầng 1: cao 6m; tầng 2: cao 5m.
 - + Chiều cao toàn công trình : so với nền nhà là: 17,5m.
 - + Diện tích xây dựng: $(13 \times 76) + (8 \times 16 \times 72) + (6 \times 6) = 10.240m^2$.
 - + Diện tích sàn xây dựng: $11.228m^2$.
 - Trên lô đất: I4 giai đoạn I là $10.000m^2$, đường Lê Văn Việt - Phường Long Thạnh Mỹ-Q.9 - TP.HCM.
 - Cao độ nền: cao độ chuẩn là cao độ mặt đường trong Khu I4 (cổng: +2.65 (tìm đường))
 - Chỉ giới xây dựng: cách tường rào đường Lê Văn Việt 35m, và theo định vị của quy hoạch chi tiết 1/500.
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTD/KCNC-2003, ngày 11/12/2003.
- Thời gian hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày khởi công xây dựng.
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn.

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2004

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



①
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 01/2004/MT-KCNC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2004

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ nội dung các văn bản Quản lý Nhà nước về môi trường

- Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993 của nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 175-CP ngày 18/10/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 28/08/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Quyết định số 76/2002/QĐ-UB ngày 20/7/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về môi trường đối với các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 1101/UB-ĐB ngày 03 tháng 03 năm 2004 về “Quy chế quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh” của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

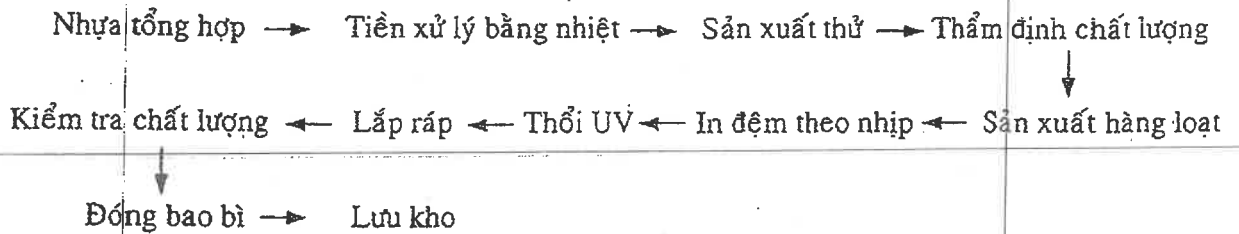
CHỨNG NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic đã giải trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng trên mặt bằng rộng 18.500 m² tại Lô I4, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9.

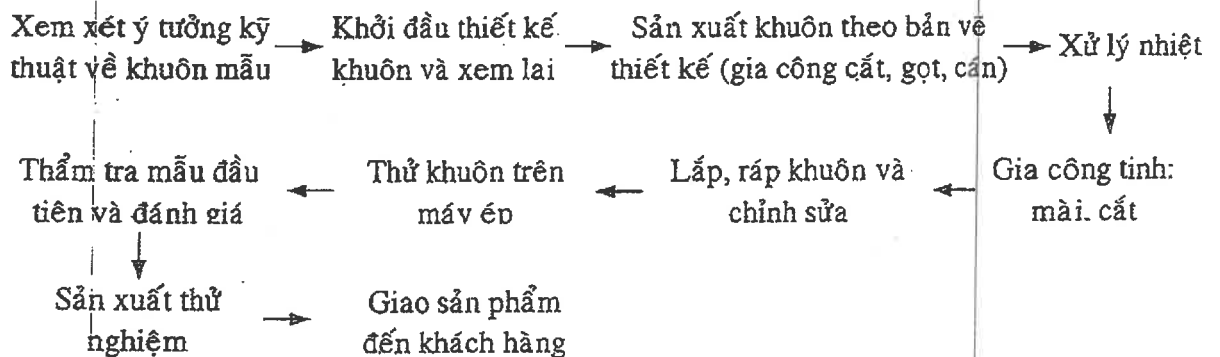
Điều 2. Qui mô nhà xưởng

Công nghệ sản xuất:

- Sản xuất chi tiết nhựa đúc 2 màu chính xác cao và lắp ráp các bộ phận linh kiện cơ khí:



- Thiết kế và chế tạo khuôn mẫu:



Máy móc thiết bị chủ yếu:

- Máy ép nhựa bằng khuôn hiệu Nissei 120T và phụ kiện;
- Robot nhặt chi tiết ép từ khuôn hiệu Nissei;
- Hệ thống nhặt và đặt vật liệu tự động;
- Các máy móc thiết bị khác (trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường).

Sản phẩm:

- Sản phẩm của công ty là một phần tích hợp của các linh kiện dùng lắp ráp máy tính và máy in. Số lượng sản phẩm dự kiến như sau:

Loại sản phẩm	Giai đoạn đầu	Giai đoạn ổn định
Nhựa đúc chính xác từ khuôn	12.000.000	42.000.000
Sơn phủ, in đậm theo nhíp	10.000.000	20.000.000
Lắp ráp phụ các bộ phận linh kiện cơ khí	1.000.000	2.000.000
Tổng cộng	23.000.000	64.000.000

Điều 3. Công Ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

Nước thải sinh hoạt, nước mưa và nước thải công nghiệp phải được tách riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo qui định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Bụi từ công đoạn nghiền phế phẩm nhựa để tái sử dụng, điều kiện vi khí hậu của công đoạn ép nhựa, hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ quá trình phủ sơn UV, in, dán keo phải được khống chế đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty phải có biện pháp thu gom chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và xử lý chất thải này theo đúng quy định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Khi đi vào hoạt động sản xuất Công ty cần thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh biết để kiểm tra nghiệm thu các hạng mục có liên quan đến bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã nêu.

Điều 4. Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bổ sung là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và hoạt động của Dự Án tại địa điểm nêu trên.

Điều 5. Giấy chứng nhận này không phải là cơ sở pháp lý công nhận Dự Án Xây dựng, nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic đạt tiêu chuẩn môi trường.

TRƯỞNG BAN
B. QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

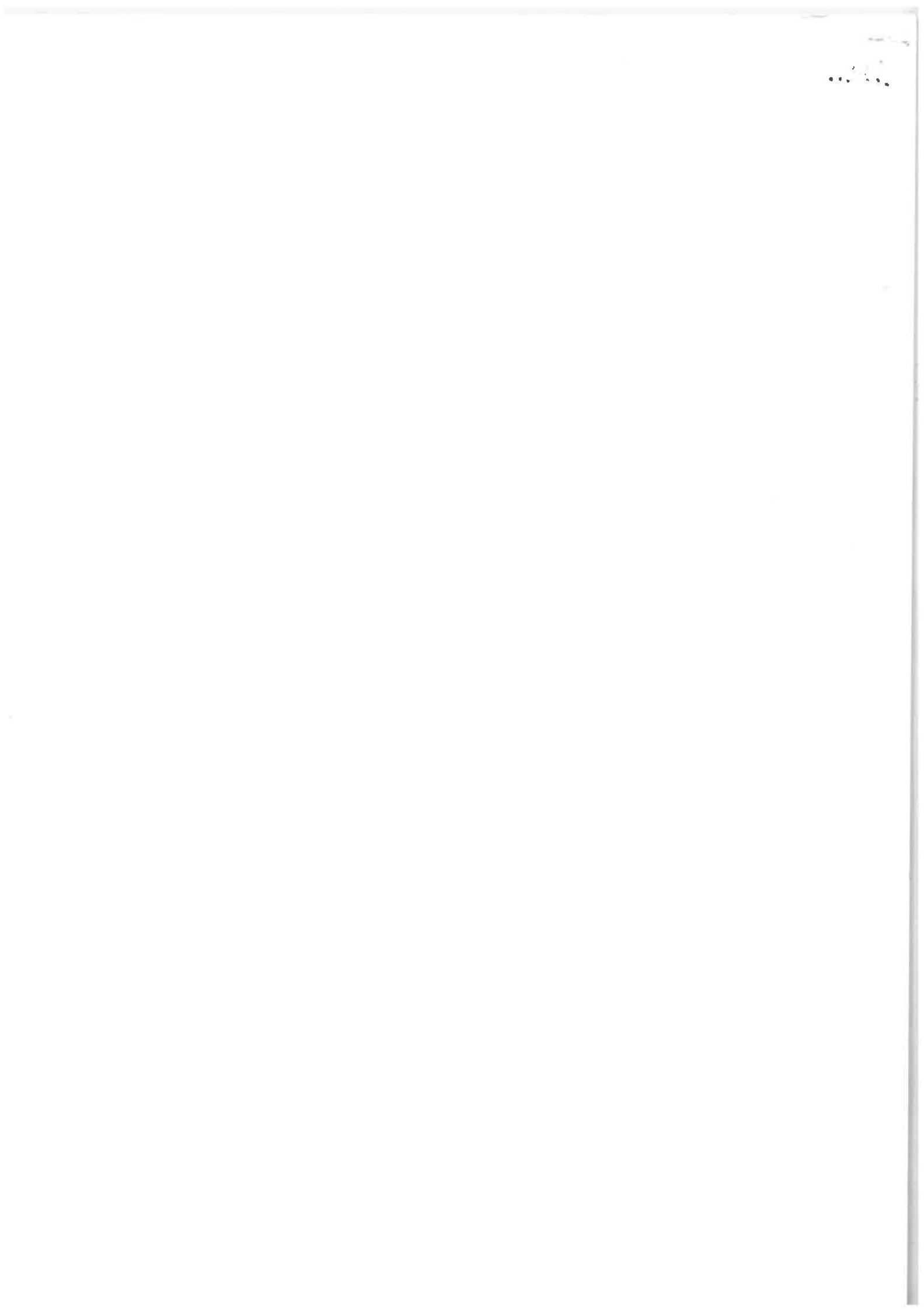


Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Allied Precision Plastic
- UBND Quận 9
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường
- Lưu. Văn phòng, PQLĐT, PQHXDMT

PHẠM CHÍNH TRỰC





GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ nội dung các văn bản Quản lý Nhà nước về môi trường

- Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993 của nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 175-CP ngày 18/10/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 28/08/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Quyết định số 76/2002/QĐ-UB ngày 20/7/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về môi trường đối với các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 1101/UB-ĐB ngày 03 tháng 03 năm 2004 về "Quy chế quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh" của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

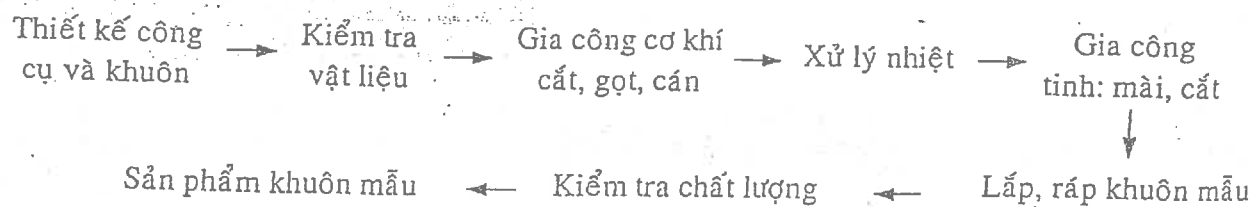
CHỨNG NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies đã giải trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng trên mặt bằng rộng 50.500 m² tại Lô I4, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9.

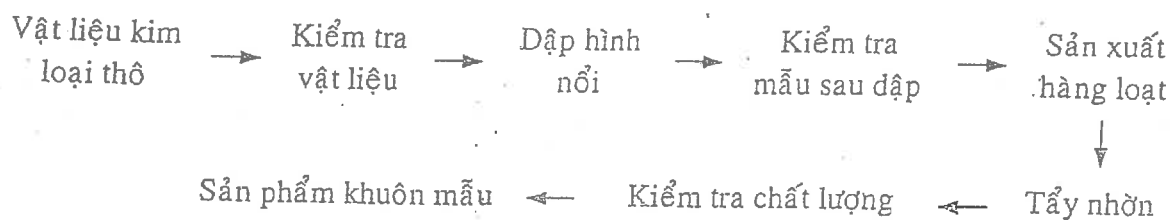
Điều 2. Qui mô nhà xưởng

Công nghệ sản xuất:

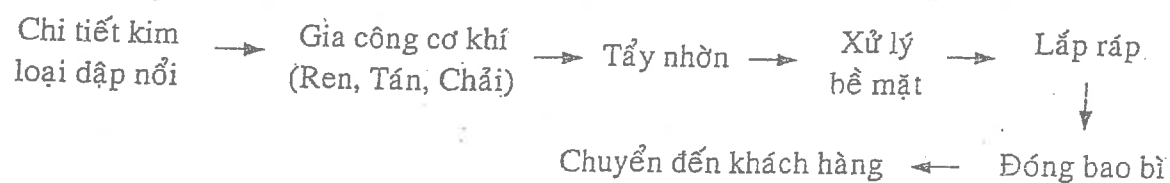
- Thiết kế, chế tạo công cụ và khuôn mẫu:



- Sản xuất kim loại dập hình nổi chính xác:



- Gia công chi tiết kim loại dập nổi và lắp ráp sản phẩm:



Máy móc thiết bị chủ yếu:

- Máy dập khung C tay quay đơn Model OCP-110L, OCP-160L, OCP-200L;
- Máy tiếp liệu NC Model STY-400H, STY-500H, STY-600H;
- Máy cán kim loại Model KTM-3H;
- Máy nghiền Model KGS-200, KGS-510AHD;
- Các máy móc thiết bị khác (trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường).

Sản phẩm:

- Sản phẩm của công ty là một phần tích hợp của các linh kiện dùng lắp ráp máy tính và máy in. Số lượng sản phẩm dự kiến như sau:

Loại sản phẩm	Giai đoạn đầu	Giai đoạn ổn định
Kim loại dập hình nổi	52.000.000	120.000.000
Linh kiện gia công rời	1.000.000	1.500.000
Linh kiện lắp ráp dạng khối	500.000	312.000
Tổng cộng	53.500.000	122.612.000



Điều 3. Công Ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

Nước thải sinh hoạt, nước mưa và nước thải công nghiệp phải được tách riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo qui định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Bụi kim loại từ quá trình gia công tinh và mài bóng, khí thải từ máy phát điện dự phòng, tiếng ồn, nhiệt thừa phải được khống chế đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty phải có biện pháp thu gom chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và xử lý chất thải này theo đúng quy định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Khi đi vào hoạt động sản xuất Công ty cần thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh biết để kiểm tra nghiệm thu các hạng mục có liên quan đến bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã nêu.

Điều 4. Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bổ sung là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và hoạt động của Dự Án tại địa điểm nêu trên.

Điều 5. Giấy chứng nhận này không phải là cơ sở pháp lý công nhận Dự Án Xây dựng, nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies đạt tiêu chuẩn môi trường.

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies
- UBND Quận 9
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường
- Lưu. Văn phòng, PQLBT, PQHXDMT

PHẠM CHÍNH TRỰC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ nội dung các văn bản Quản lý Nhà nước về môi trường

- Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993 của nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 175-CP ngày 18/10/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 28/08/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Quyết định số 76/2002/QĐ-UB ngày 20/7/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về môi trường đối với các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 1101/UB-ĐB ngày 03 tháng 03 năm 2004 về “Quy chế quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh” của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

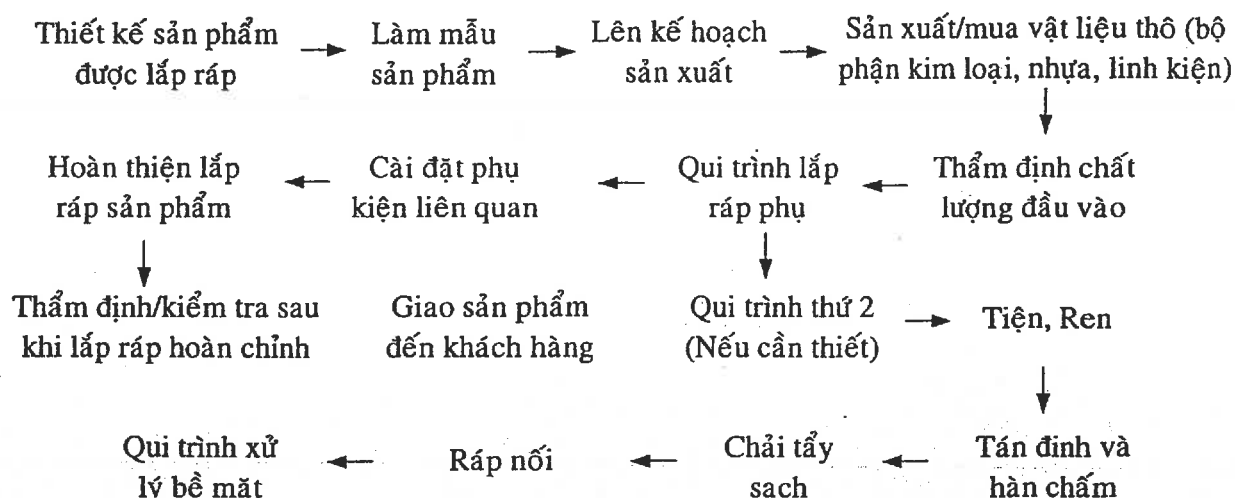
CHỨNG NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied đã giải trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng trên mặt bằng rộng 18.500 m² tại Lô I4, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9.

Điều 2. Qui mô nhà xưởng

Công nghệ sản xuất:

- Sản xuất lắp ráp linh kiện máy tính.



Máy móc thiết bị chủ yếu:

- Hệ thống lắp ráp cơ động;
- Hệ thống băng chuyền kiểm tra;
- Máy tính dùng trong sản xuất;
- Hệ thống UPS;
- Các máy móc thiết bị khác (trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường).

Sản phẩm:

- Sản phẩm của công ty là máy tính lắp ráp và linh kiện lắp ráp. Số lượng sản phẩm dự kiến như sau:

Loại sản phẩm	Giai đoạn đầu	Giai đoạn ổn định
Máy tính lắp ráp	60.000	124.000
Linh kiện lắp ráp	600.000	720.000
Tổng cộng	660.000	844.000



Điều 3. Công Ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

Nước thải sinh hoạt, nước mưa và nước thải công nghiệp phải được tách riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo qui định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm không khí, vi khí hậu bên trong nhà xưởng sản xuất, khí thải từ máy phát điện dự phòng đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty phải có biện pháp thu gom chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và xử lý chất thải này theo đúng quy định của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam.

Khi đi vào hoạt động sản xuất Công ty cần thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh biết để kiểm tra nghiệm thu các hạng mục có liên quan đến bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã nêu.

Điều 4. Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bổ sung là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và hoạt động của Dự Án tại địa điểm nêu trên.

Điều 5. Giấy chứng nhận này không phải là cơ sở pháp lý công nhận Dự Án Xây dựng, nhà xưởng, văn phòng của Công ty Điện tử TNHH Sài Gòn Allied đạt tiêu chuẩn môi trường.

TRƯỞNG BAN
B.QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



PHẠM CHÁNH TRỰC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Điện tử Sài Gòn Allied
- UBND Quận 9
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường
- Lưu. Văn phòng, PQLĐT, PQHXDMT

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
Số : 52.....PCCC/NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2005

**GIẤY CHỨNG NHẬN
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Điều 3 Pháp lệnh Quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy do Chủ tịch nước ký Lệnh ban hành ngày 4/10/1961.
- Căn cứ thông tư số 03-TT/LB ngày 3-11-1989 của liên Bộ Công an – Xây dựng “*Quy định chế độ an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng nổ trong xây dựng công trình*”

Sau khi xem xét các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hệ thống phòng cháy chống cháy của Chủ đầu tư công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu của Phòng cảnh sát PCCC lập ngày 31 tháng 1 năm 2005.

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC – CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH CHỨNG NHẬN

Công trình : *Nhà xưởng F-01; F-02; F-03 và F-04- Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES (giai đoạn I).*

Chủ đầu tư là : *Công ty TNHH Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES.*

Xây dựng tại : *Khu công nghiệp cao đường Lê Văn Duyệt, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.*

ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU HỆ THỐNG KỸ THUẬT PHÒNG CHỐNG CHÁY GỒM:

- *Bậc chịu lửa công trình.*
- *Khoảng cách an toàn PCCC.*
- *Hệ thống thoát nạn.*
- *Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong nhà và ngoài nhà.*
- *Hệ thống chống sét.*
- *Hệ thống báo cháy tự động.*

Kèm theo các yêu cầu sau :

- 1- *Chủ đầu tư và đơn vị tiếp nhận sử dụng phải duy trì sự hoạt động liên tục của các hệ thống PCCC và các điều kiện an toàn về PCCC như thời điểm kiểm tra nghiệm thu.*
- 2- *Thành lập lực lượng PCCC cơ sở tại Công ty và phải được huấn luyện về nghiệp vụ PCCC theo qui định hiện hành.*

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu PCCC (KT).

ƯT TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2013

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH 79.000884.T
(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô I-4, F03, Lê Văn Việt, phường Long Thạnh Mỹ, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 3733 5663 Fax: 3733566

Email: Không có

Tài khoản số: 99113749268 Tại: Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh Tp.HCM

Giấy phép đầu tư số: 413043000025 Ngày: 06/5/2011

Nơi cấp: Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp.HCM

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 79.000884.T cấp lần 1 ngày 30 tháng 7 năm 2009.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies;
 - Lưu VT; P.QLCTR (2b).
- Dự thảo : Tuyền.



Nguyễn Văn Phước

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.000884.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 2, ngày 15 tháng 11 năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES**

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4, F03, Lê Văn Việt, phường Long Thạnh Mỹ, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 3733 5663

Fax: 3733566

Giấy phép đầu tư số: 413043000025

Ngày: 06/5/2011

Nơi cấp: Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp.HCM

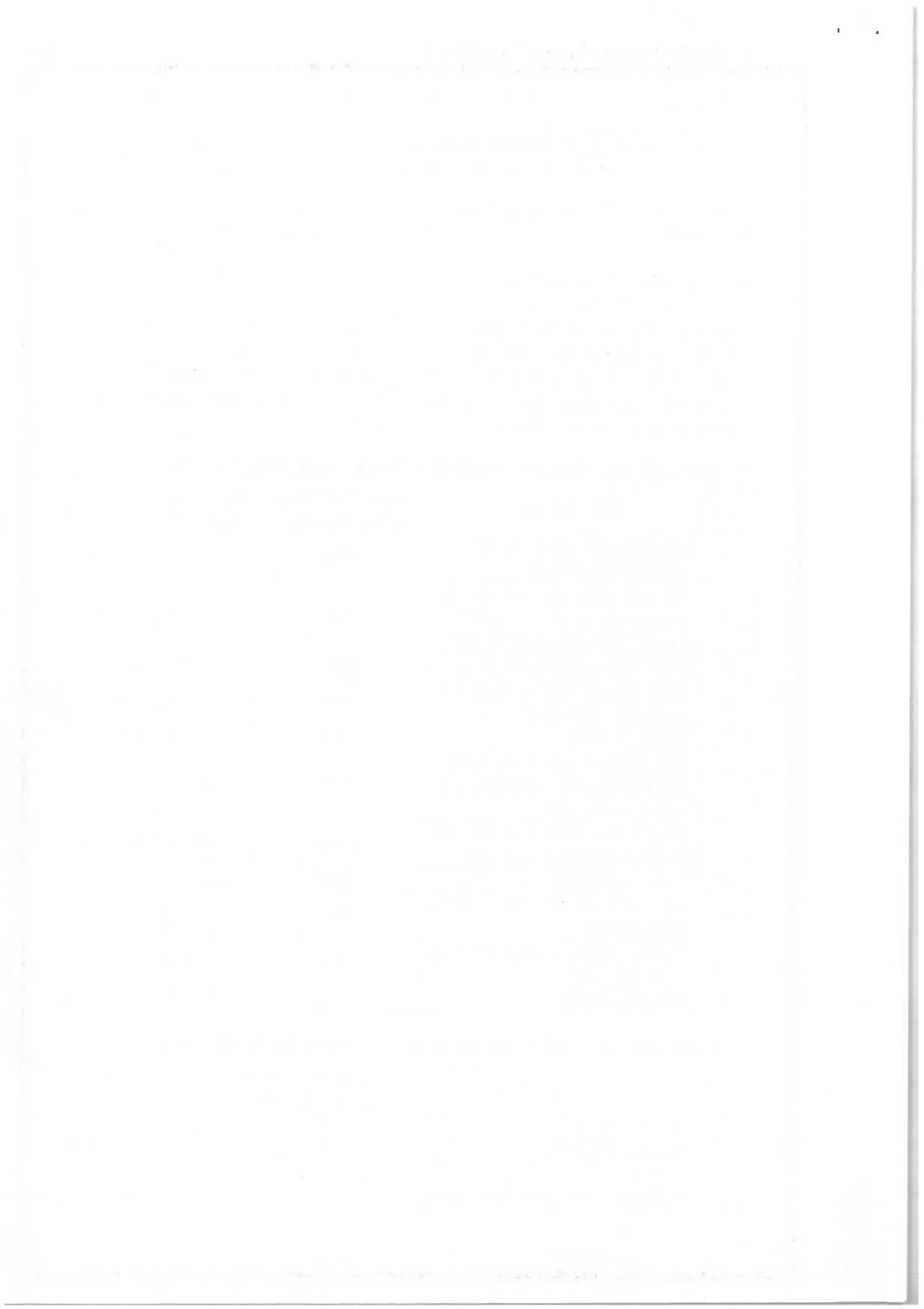
Loại hình hoạt động: Sản xuất các cấu kiện kim loại, linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng, đồ điện dân dụng, sản phẩm từ plastic, thiết bị dụng cụ y tế, cho thuê văn phòng nhà xưởng.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	351	17 02 04
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính dầu và hóa chất)	Rắn	1.300	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06
4	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	30	08 02 04
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
6	Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại (phế liệu kim loại dính dầu)	Rắn	2.370	11 04 01
7	Huyền phù nước thải lẫn sơn có các thành phần nguy hại	Lỏng	10.132	08 01 04
8	Bao bì mềm thải	Rắn	20	18 01 01
9	Cặn sơn có các thành phần nguy hại khác	Rắn	100	08 01 01
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa sơn)	Rắn	50	18 01 02
	Tổng số lượng		14.433	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì nylon	Rắn	2.000
2	Bao bì giấy carton	Rắn	12.000
3	Bao bì gỗ	Rắn	7.200
4	Phế thải kim loại không dính	Rắn	600.000

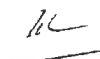


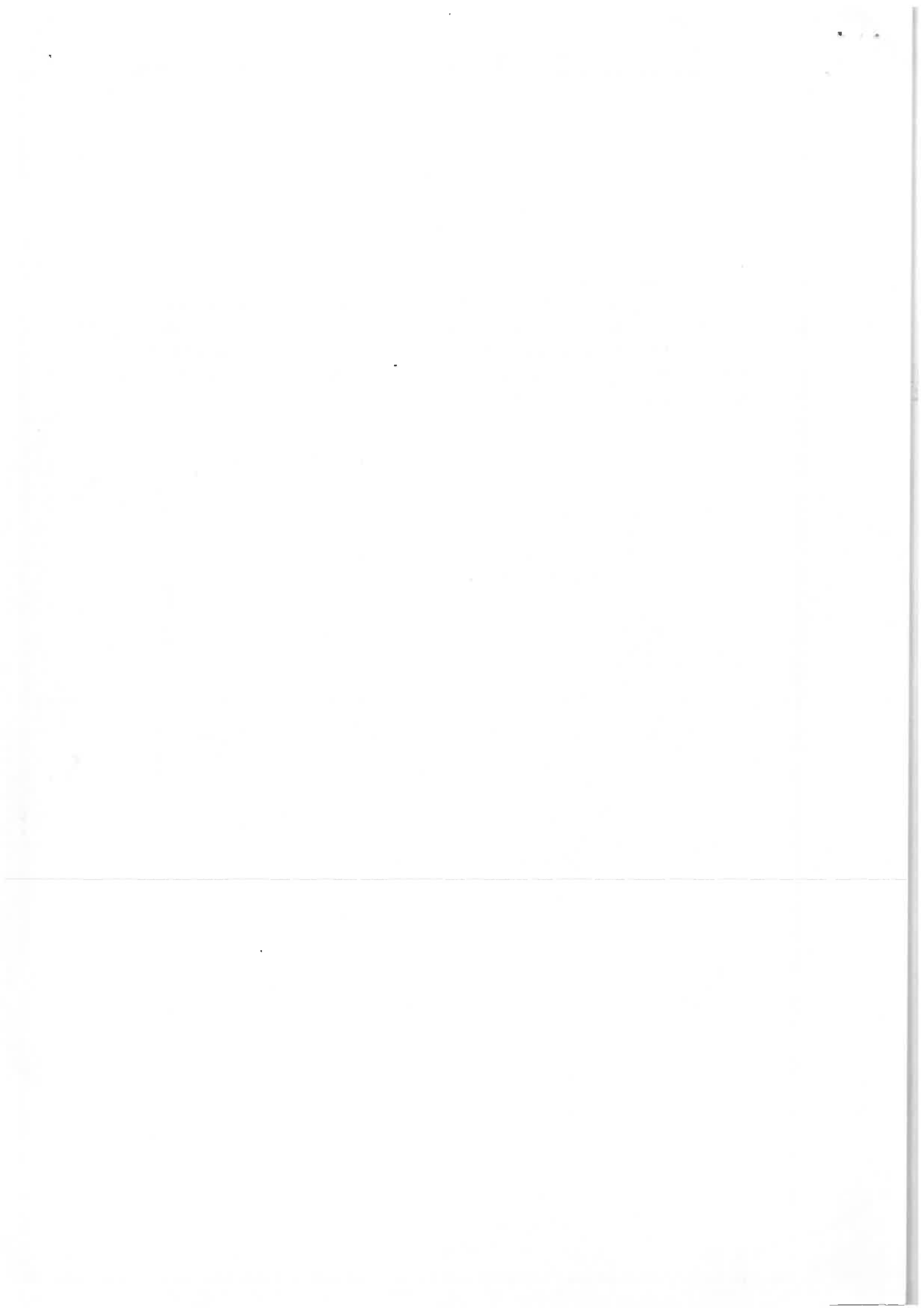
	dầu nhớt		
5	Chất thải sinh hoạt	Rắn	17.000
	Tổng số lượng		638.200

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở: (không có)

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.000884.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 13 tháng 11 năm 2013...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 59 /HĐ-BQLCDA-XLNT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày **01** tháng **7** năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện : **Ông Phạm Hữu Minh** Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo Ủy quyền tại Quyết định số 17/QĐ-BQLCDA ngày 16/6/2017

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 37 360462, 37 307390 - Fax: (08) 3736 0470

Tài khoản : 31410002531451 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế : 0306678152

BÊN B: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Đại diện : **TUNG GEE KHIM** Chức vụ : **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ : Lô I-4, F03, Đường N3, Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM, Việt Nam.

Điện thoại : 028.37335663 Fax : 028.37335668

Mã số thuế : 0303163388

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối : tại Hố ga NB 01' đường N3

Quy cách điểm đầu nối : (theo văn bản đề nghị đầu nối nước thải của Công ty)

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: m³/ ngày.

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn “Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1” ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục

hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao: Bên B gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A.

- Sau đó định kỳ 03 tháng/lần, bên B tiếp tục gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý để giám sát.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: 0,24USD/m³ (căn cứ theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về một số cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố)

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày 01 tháng 7 năm 2017

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố

Số tài khoản: 31410002531451

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.
3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của Trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.
4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.
5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.
6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hữu Minh



TUNG GEE KHIM



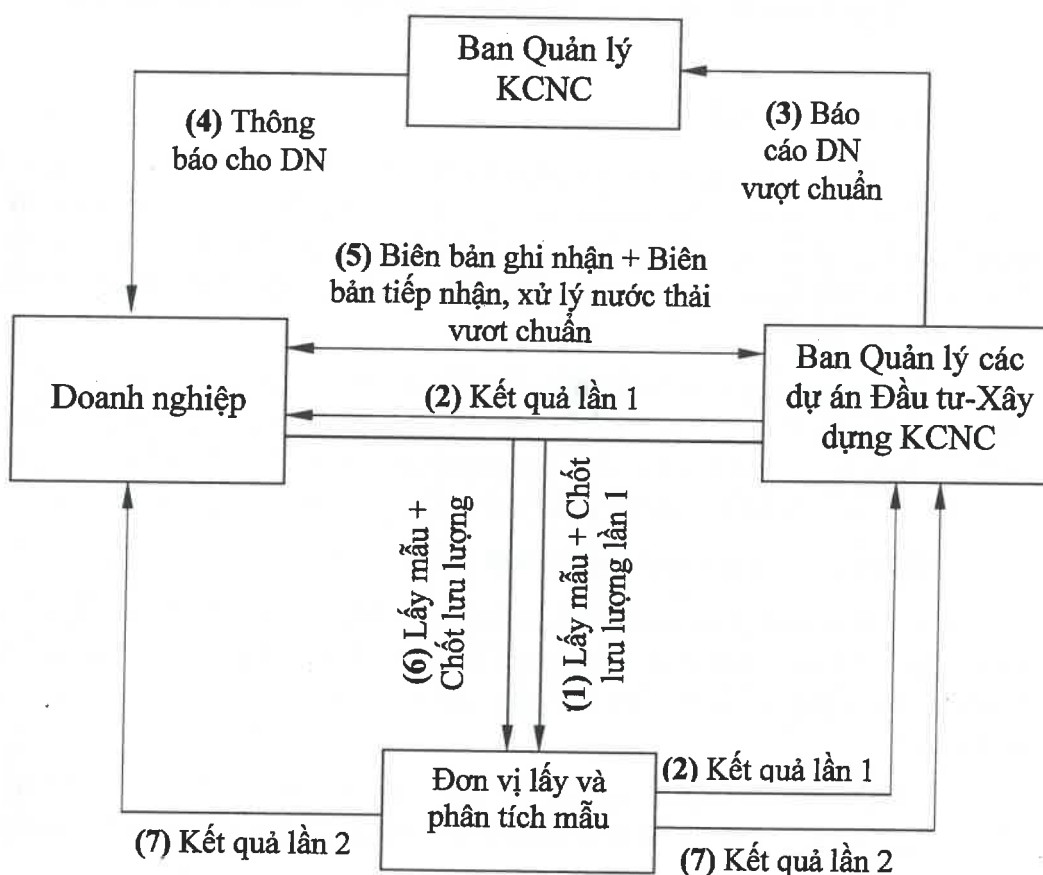
LIBRARY OF THE

UNIVERSITY OF

Phụ lục 1 QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC LẤY MẪU ĐỘT XUẤT

Công tác lấy mẫu nước thải đột xuất: Nhà máy xử lý nước thải thuộc Ban Quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh (gọi tắt là Nhà máy XLNT) sẽ tiến hành lấy mẫu đột xuất nước thải đầu ra của Doanh nghiệp khi nghi ngờ hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của Doanh nghiệp khi đổ vào hệ thống thu gom xử lý nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao (theo Phụ lục 2). Quy trình và phương thức lấy mẫu như sau:

1. Sơ đồ quy trình lấy mẫu đột xuất



2. Quy định chung về công tác lấy mẫu nước thải đột xuất

2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm đầu nối hố ga kiểm tra thoát nước thải của Doanh nghiệp vào hệ thống tuyến ống thu gom nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

2.2. Đơn vị lấy và phân tích mẫu: Là đơn vị có Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 13/12/2014 của Chính Phủ) và có các chỉ tiêu phân tích phù hợp với yêu cầu lấy mẫu.

Nhằm đảm bảo tính vẹn toàn của mẫu để kết quả phân tích được chính xác, các đơn vị lấy và phân tích mẫu sẽ là các đơn vị có bán kính nằm trong khoảng 10 km từ Khu Công nghệ cao, bao gồm:

1. Viện Môi trường và Tài nguyên
2. Trung tâm công nghệ và Quản lý môi trường
3. Công ty TNHH EUROFIL Sắc Ký Hải Đăng
4. Trung tâm Công nghệ và Quản lý môi trường và tài nguyên
5. Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
6. Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Nam
7. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam

3. Quy trình lấy mẫu và xử lý kết quả nước thải vượt chuẩn:

Gồm 7 bước

Bước 1: Lấy mẫu lần 1

- Bên A sẽ gọi điện thoại thông báo trước cho Bên B (từ 01 giờ đến trước 03 giờ) để Bên B cử nhân sự phối hợp với Bên A và đơn vị lấy và phân tích mẫu thực hiện việc lấy mẫu, ký vào Biên bản lấy mẫu và chốt chỉ số đồng hồ lưu lượng nước (nhân sự chứng kiến của Bên B phải được phân công/ủy quyền chịu trách nhiệm về công tác lấy mẫu).

Trong trường hợp Nhà máy XLNT lấy mẫu đột xuất mà Doanh nghiệp không cử người đại diện, Nhà máy XLNT sẽ đề xuất sự chứng kiến của đại diện Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (viết tắt Ban Quản lý KCNC) và việc lấy mẫu vẫn được tiến hành theo đúng quy định.

Bước 2: Trả kết quả phân tích mẫu lần 1

- Kết quả phân tích mẫu là kết quả được Đơn vị lấy và phân tích mẫu mẫu (theo mục 2.2 của Quy trình này) thực hiện phân tích đối với mẫu nước thải được lấy ở Bước 1 của Quy trình này và kết quả này là cơ sở để xác định tình trạng vượt chuẩn của Bên B

- Đối với các doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải **vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Khu Công nghệ cao:

+ Bên A sẽ thông báo kết quả phân tích mẫu lần 1 (bằng file mềm) đến Bên B trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được kết quả phân tích mẫu từ đơn vị phân tích mẫu.

+ Bên B phải chịu chi phí phân tích mẫu lần 1.

- Đối với các Doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải **không vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Bên A thanh toán chi phí phân tích mẫu.

Bước 3: Báo cáo việc Doanh nghiệp vượt chuẩn

Bên A sẽ báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về tình hình xả thải vượt chuẩn của Bên B.

Bước 4: Thông báo kết quả phân tích mẫu (Đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn)

Ban Quản lý KCNC sẽ có văn bản thông báo đến các Doanh nghiệp về việc doanh nghiệp vi phạm xả nước thải có hàm lượng các chất ô nhiễm vượt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung; yêu cầu Doanh nghiệp liên hệ với Ban Quản lý các dự án ĐTXD để ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn.

Bước 5: Ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, thỏa thuận thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn

Sau thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết quả phân tích mẫu (đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn), Bên A sẽ mời đại diện Bên B (người đại diện pháp luật hoặc được ủy quyền) đến làm việc, thảo luận và hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Bắt đầu tính phí xử lý nước thải vượt chuẩn và thu theo kỳ thu phí xử lý nước thải hàng tháng của Doanh nghiệp.

- Thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn, thời gian ký Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Ban Quản lý các dự án ĐTXD và Doanh nghiệp.

- Trường hợp đến thời hạn khắc phục nước thải vượt chuẩn mà Bên B không khắc phục, Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở. Nếu Bên B vẫn không khắc phục nước thải vượt chuẩn, Bên A sẽ báo cáo, đề xuất Ban Quản lý Khu Công nghệ cao xem xét chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

- Trường hợp Bên B không hợp tác, không ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn, Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, tranh chấp về kết quả phân tích mẫu (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải), Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở, đồng thời báo cáo cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao để Ban Quản lý Khu Công nghệ cao chủ trì xử lý trước khi Bên A đề xuất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

Bước 6: Lấy mẫu lần 2

Sau khi Doanh nghiệp thực hiện khắc phục xử lý nước thải vượt chuẩn, Ban Quản lý các dự án ĐTXD sẽ phối hợp với Doanh nghiệp tiến hành lấy mẫu nước thải lần 2 để xác định nồng độ ô nhiễm trong nước thải sau khi khắc phục đồng thời ghi nhận chỉ số đồng hồ lưu lượng nước lần 2. Chi phí phân tích mẫu nước thải lần 2 do Doanh nghiệp thanh toán.

Bước 7: Trả kết quả phân tích mẫu lần 2

Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải lần 2 tiếp tục vượt chuẩn, Bên A và Bên B sẽ gia hạn thời gian khắc phục tại Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Nếu kết quả phân tích mẫu nằm trong chuẩn cho phép của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thì hai bên sẽ thanh lý Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn và tính toán chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn.

4. Trường hợp doanh nghiệp có hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải

Phí xử lý nước thải vượt chuẩn được tính toán như sau:

- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục trên 1 giờ: Tính vượt chuẩn theo chỉ số lưu lượng và chỉ tiêu vượt chuẩn của trạm quan trắc.
- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục dưới 1 giờ: Không tính vượt chuẩn.

Phụ lục 2

**TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO**

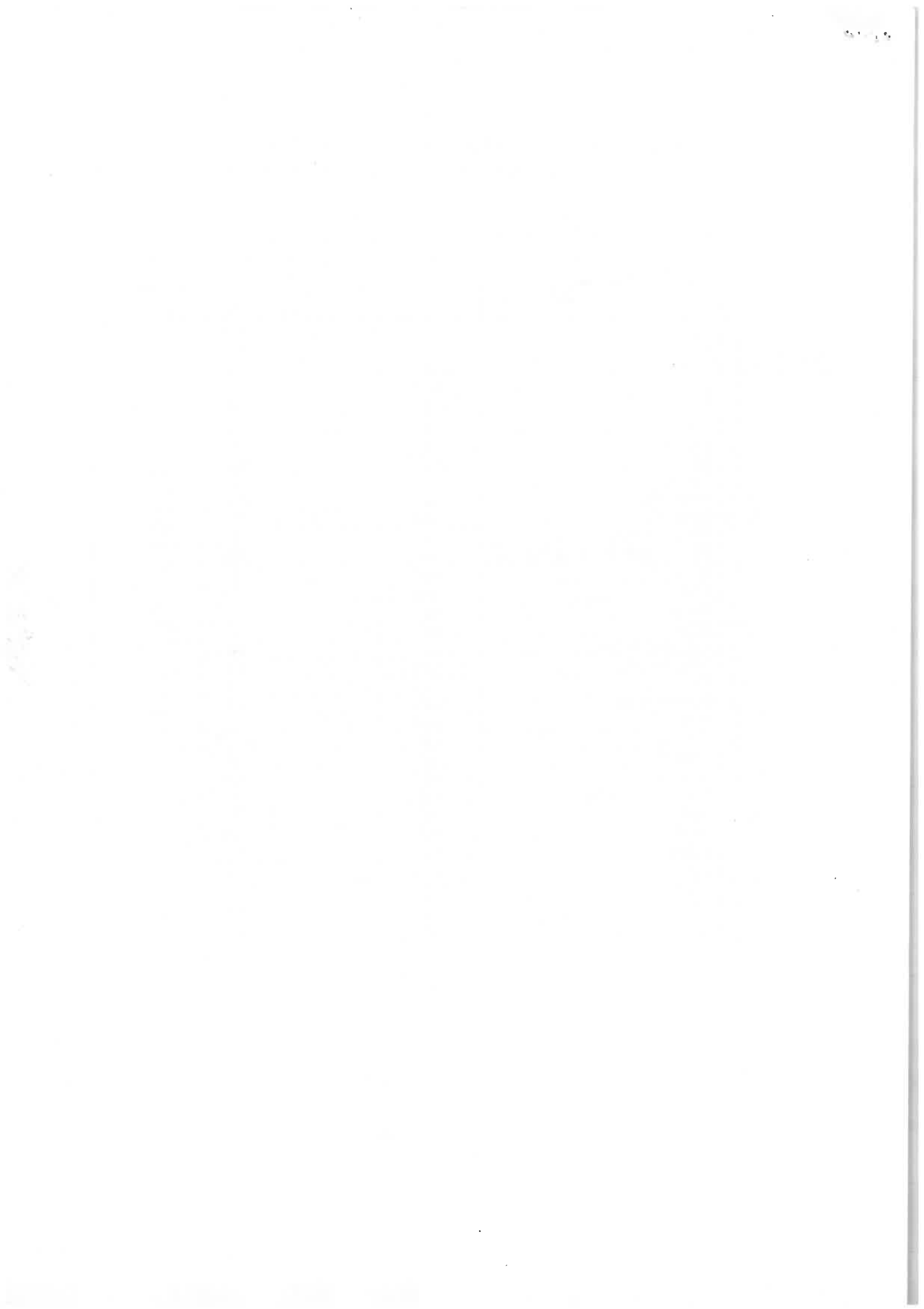


TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỤC BỘ

THẢI VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ TẬP TRUNG - KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

	TÊN CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NMXLNT TẬP TRUNG
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng N	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁴
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

50
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường

(rác thải sinh hoạt) không nguy hại

Số: **45^A** /HĐ-SHTPCo-KDDV

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày **01** tháng **7** năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Đại diện : **Mr TUNG GEE KHIM**
Hành

Chức vụ: Tổng Giám đốc Điều

Địa chỉ : Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao Tp. Hồ Chí Minh, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028 37335663

Mã số thuế : 0303163388

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Đại diện : **Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

VPGD : Khu G3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Q.9, TP.HCM.

Điện thoại : (028) 3730 5276

Fax: (028) 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Tài khoản : 31410000264937 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Bên A và Bên B đồng ý thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ.

1.1 Bên B nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt) không nguy hại cho Bên A.

Địa điểm thu gom: Lô I4, F03, Đường N3, Khu CNC Tp. Hồ Chí Minh, P. Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thời gian thu gom và vận chuyển: *theo thỏa thuận của hai bên.*

1.2 Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 2. Đơn giá và phương thức thanh toán.

2.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt): 206.000 đồng/ m³

Ghi chú

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế VAT sẽ điều chỉnh theo Nghị định của Chính Phủ.

2.2 **Phương thức thanh toán:** Cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) Bên B đã thu gom và vận chuyển thực tế được hai bên xác nhận, Bên B xuất hóa đơn tài chính cho Bên A và Bên A thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn đỏ.

Điều 3. Trách nhiệm hai bên.

3.1 Trách nhiệm của Bên A.

3.1.1. Có trách nhiệm bố trí khu vực chứa chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) thuận tiện cho Bên B thu gom và vận chuyển.

3.1.2. Khi Bên B đến thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, Bên A sẽ có nhân viên giám sát và xác nhận khối lượng thực tế phát sinh để làm cơ sở thanh toán hàng tháng. Bên A thanh toán chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt hàng tháng cho bên B sau khi nhận được giấy báo đề nghị thanh toán dịch vụ và hoá đơn tài chính của Bên B.

3.1.3. Đảm bảo toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt mà bên B thu gom, vận chuyển tại các thùng chứa rác của bên A đều phải là rác sinh hoạt không độc hại và không được trộn lẫn với các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định của pháp luật.

3.1.4. Trường hợp khối lượng rác sinh hoạt phát sinh ngoài dự kiến, bên A phải báo trước cho Bên B trước 36 giờ để Bên B điều động thêm chuyến xe lấy rác như quy định tại Điều 1.

3.2 Trách nhiệm của Bên B.

3.2.1. Bảo đảm thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) thỏa thuận tại Điều 1.

3.2.2. Phương tiện chuyên chở được trang bị những thiết bị bảo đảm theo đúng quy định của ngành vệ sinh môi trường.

3.2.3. Trong trường hợp xe (máy móc) chuyên dụng hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp, bố trí thay thế phương tiện để vận chuyển, bốc xếp toàn bộ chất thải trong ngày.

3.2.4. Bên B từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện các loại chất thải nguy hại, các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định pháp luật và những chất liệu không hợp pháp, gây cháy, nổ

hoặc hoá chất độc hại trộn lẫn trong thành phần chất thải rắn thông thường của Bên A.

3.2.5. Bên B vận chuyển, bốc xếp rác của Bên A về Trạm Trung chuyển 691 đường Quang Trung, phường 8, Q. Gò Vấp, TP HCM.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng này được chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

– Hai Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo những điều kiện mà hai Bên chấp thuận và ký kết thực hiện.

– Khi Bên A hoặc Bên B vi phạm những điều khoản của hợp đồng này. Việc chấm dứt hợp đồng sẽ được một trong hai bên báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng thông báo kể từ ngày hai bên lập biên bản vi phạm.

Điều 5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

– Điều chỉnh đơn giá thu gom theo các quy định của UBNDTP hoặc các Sở ban ngành liên quan.

– Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

+ Bên A không trả tiền cung ứng dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

+ Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

Điều 6. Điều khoản chung.

6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được gia hạn từng năm một. Nếu có nhu cầu kết thúc dịch vụ, các bên phải có văn bản thông báo cho bên còn lại ít nhất trước 15 ngày khi hợp đồng kết thúc theo quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 hợp đồng này. Nếu trong thời gian thực hiện một trong hai bên có nhu cầu thay đổi nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

6.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp không thỏa thuận được thì vụ việc được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo Luật định, kết luận của Tòa án là chung thẩm.

6.3 Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

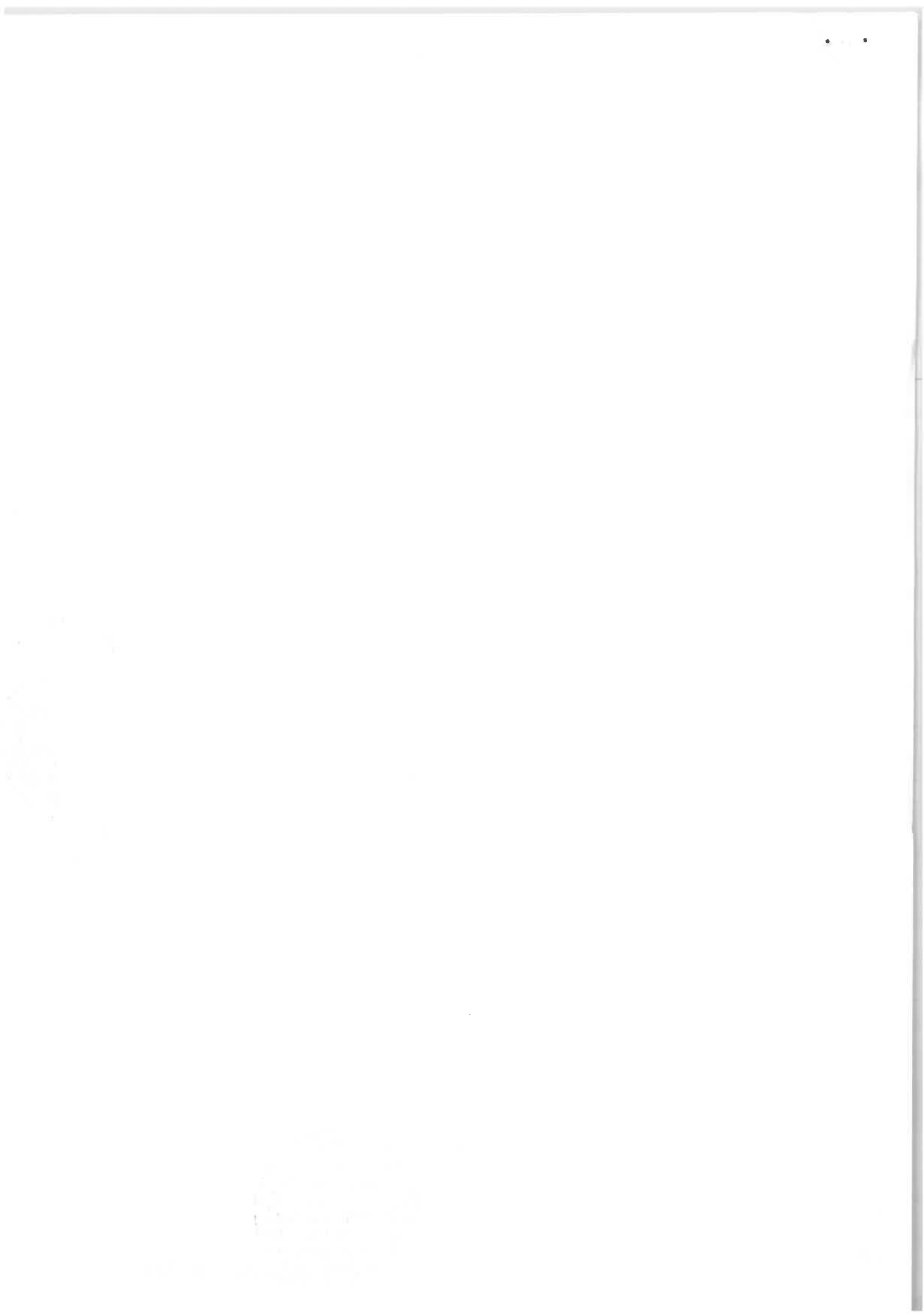
6.4 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Đức Hiền



CTY TNHH TM & XỬ LÝ
MÔI TRƯỜNG SỸ NGÂN
Số: ... HDKT/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....o0o.....

HỢP ĐỒNG THU MUA PHẾ LIỆU

- Căn cứ Pháp Luật thương mại do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành số : 36/2005/QH 11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.
- Căn cứ vào Luật dân sự do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành số : 33/2005/QH ngày 20 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Hôm nay ngày ... tháng ... năm 2024 tại văn phòng CTy TNHH TM và Xử Lý Môi Trường Sỹ Ngân , đại diện hai bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Do ông : TUNG GEE KHIM

Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện

Địa chỉ : Lô I4, F03, Đường N3 , Khu Công Nghệ Cao TP.HCM , P. Long Thạnh Mỹ
TP. Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại : 083.7335663

Fax : 083.7335668

Mã số thuế : 0303163388

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SỸ NGÂN

Do ông : PHẠM QUỐC SỸ

Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện

Địa chỉ : Thửa đất số 4064 tờ bản đồ 3 TDH tổ 29, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương Điện thoại : 0973.115.337 (0908.267.251)

Mã số thuế : 0305475174

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên nhất trí đồng ý ký hợp đồng thu mua phế liệu theo các điều kiện sau :

ĐIỀU I : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên B đồng ý xử lý toàn bộ rác thải công nghiệp của nhà máy bên A bao gồm : sắt, thép phế liệu, đồng , nhôm, giấy carton và các loại phế liệu nhựa với giá cả

được hai bên thống nhất có bảng giá kèm theo. Bảng giá sẽ được cập nhật theo giá cả của thị trường và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần . Trong trường hợp giá cả biến động từ 5% trở lên, bảng giá sẽ phải được điều chỉnh tức khắc để đảm bảo quyền lợi của bên A

- Hợp đồng này có giá trị từ ngày **01 tháng 02 năm 2024** đến hết ngày **01 tháng 02 năm 2026**

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Tạm ứng bằng tiền mặt cho bên A 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng . Số tiền này bên A sẽ trả lại cho bên B khi kết thúc hợp đồng.
- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong vấn đề xử lý rác thải công nghiệp (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại, các chất tẩy rửa , linh kiện điện tử hư hỏng) theo đúng quy định vệ sinh môi trường của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và UBND TP.HCM . Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có điều gì sai phạm trong quá trình xử lý .
- Bên B sẽ gửi 04 nhân viên đến bên A để thu gom rác thải sinh hoạt và dọn dẹp vệ sinh 04 lần một tuần. Bên B sẽ cung cấp cho bên A các thùng rác và được đặt trong khuôn viên của bên A.
- Trong quá trình làm việc tại nhà máy bên A, bên B phải tuân thủ các quy định và chịu sự giám sát hoàn toàn của bên A.
- Bên B sẽ hỗ trợ bên A làm các báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật .
- Bên B phải thanh toán cho bên A bằng tiền mặt sau khi bên A ra phiếu thu.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Bên A phải có trách nhiệm quản lý toàn bộ rác thải và sắp xếp ngăn nắp vào từng vị trí và không cho bất cứ đối tác nào vào lấy bất cứ loại rác nào trong công ty mà không có sự đồng ý của đôi bên khi hợp đồng này có hiệu lực.
- Bên A sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi khi bên B đến thu gom và vận chuyển phế liệu.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến vận chuyển phế liệu và các thủ tục hành chính nếu cần.
- Bên A sẽ phát hành hóa đơn đỏ cho bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên A ra phiếu thu cho bên B.

ĐIỀU IV:

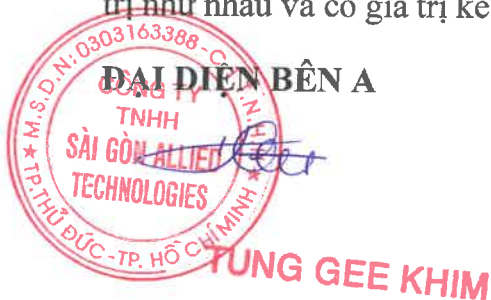
Thời gian thu gom phế liệu do bên A quy định và thông báo cho bên B bằng điện thoại hoặc bằng văn bản trong vòng một ngày. Phương tiện thu gom phế liệu là bằng xe tải nặng được cung cấp bởi bên B.

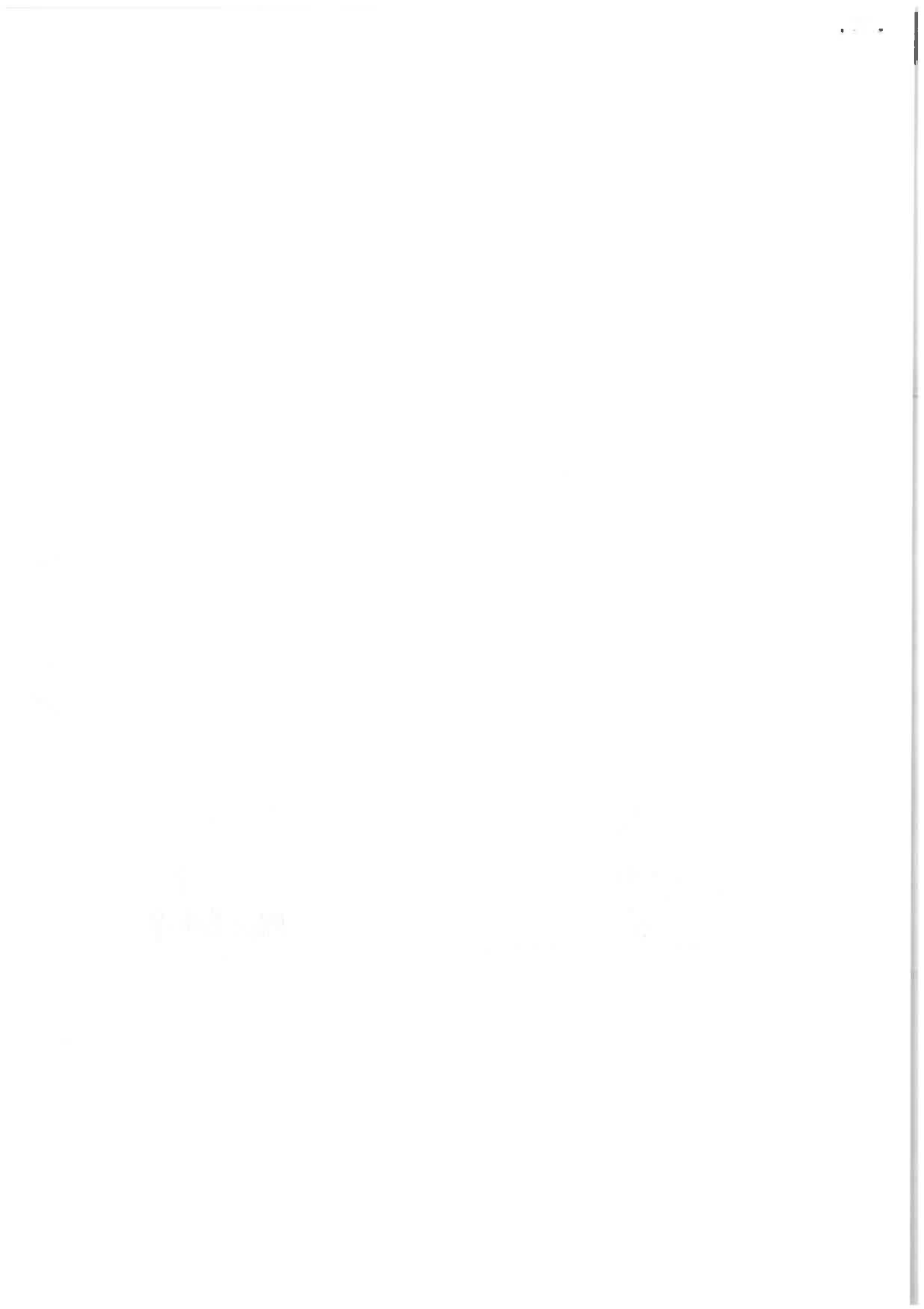
ĐIỀU V:

- Hai bên sẽ kịp thời thông báo và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở đôi bên cùng có lợi nếu có tranh chấp xảy ra.
- Quyết định của trọng tài kinh tế sẽ quyết định cuối cùng nếu không giải quyết ổn thỏa.

ĐIỀU VI: THỎA THUẬN CHUNG

- Nếu một trong hai bên muốn kết thúc hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước một tháng.
- Hợp đồng được thành lập 04 bản bằng Tiếng Việt , mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có giá trị kể từ ngày ký.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số: 351./2022/HĐXLCTNH/HL

- Căn cứ Bộ luật Dân sự và Luật thương mại hiện hành của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/ 01/ 2022.
- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng của 2 bên.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 10 năm 2022, đại diện hai bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
Địa chỉ công ty : Lô I -4, F03, đường N3, Khu Công nghệ Cao thành phố Hồ Chí Minh, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam
Số điện thoại : 028.37335663 – Fax: 028.37335668
Mã số thuế : 0303163388
Đại diện : **TUNG GEE KHIM** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

BÊN B : CÔNG TY TNHH HÀ LỘC
Địa chỉ : 1219 Đường 30/4, Phường 11, Tp.Vũng Tàu, BRVT
Điện thoại : 0254.3623955/ 3623956 - Fax : 0254.3620396
Mã số thuế : 3500410017
Tài khoản số : 115000017286 tại Ngân hàng TMCP Công Thương - CN BRVT.
Người đại diện : Bà **NGUYỄN MINH TRANG** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên nhất trí ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động kinh doanh của bên A với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao cho bên B xử lý chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A.

Địa điểm lấy hàng: Lô I -4, F03, đường N3, Khu Công nghệ Cao thành phố Hồ Chí Minh, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam.

Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý, thời gian lấy hàng 03 tháng/lần với khối lượng chất thải giao nhận mỗi lần từ 3 (ba) tấn trở lên.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1.Đơn giá:

STT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
01	Nước thải nhiễm dầu, hóa chất	Kg	08 01 04	6.000

02	Giẻ lau thải	Kg	18 02 01	7.000
03	Mực in thải	Kg	08 02 04	7.000
04	Ăcquy thải	Kg	19 06 01	6.000
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	21.000
06	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn	Kg	17 02 04	6.000
07	Phế thải kim loại dính dầu	Kg	11 04 01	6.000

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý.
- *Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT.*
- Nếu khối lượng chất thải mỗi lần giao nhận dưới 3 tấn thì cộng thêm chi phí vận chuyển là **2.500.000 đồng** (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).
- Và Bên B không đồng ý thu gom, vận chuyển và xử lý với khối lượng chất thải giao nhận mỗi lần dưới 2 (hai) tấn.

2.2. Hình thức thanh toán

- Bên A thanh toán chi phí vận chuyển và xử lý cho Bên B bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng
- Nếu quá thời hạn mà bên A không thanh toán cho bên B thì bên A phải chịu phạt theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Vũng Tàu tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày ký. Sau khi hết hạn hợp đồng, hợp đồng được xem như thanh lý.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm Bên A

- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong việc ra vào Công ty/nhà máy của bên A để thu gom và vận chuyển mang đi xử lý.
- Khi có nhu cầu xử lý chất thải, bên A phải thông báo cho bên B (bằng fax hoặc email) trước 02 ngày làm việc để bên B sắp xếp phương tiện và nhân lực. Trường hợp bên B đến thu gom rác thải theo yêu cầu của bên A mà vì bất kỳ lý do nào bên A không chuyển giao rác cho bên B. Thì bên A phải chịu hoàn toàn chi phí xăng xe và nhân công cho đợt thu gom đó là **5.000.000 đồng** (*Năm triệu đồng*).
- Bên A có trách nhiệm thu gom chất thải nguy hại cho vào bao bì, thùng chứa, dán nhãn ghi mã hạng mục và bảo quản trong kho đúng theo quy chế Quản lý chất thải nguy hại tại kho của bên A trước khi giao cho bên B mang đi xử lý.
- Bên A phối hợp bên B lập chứng từ chất thải nguy hại theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 để cung cấp cho bên B ngay sau khi bàn giao xong chất thải nguy hại.



- Hỗ trợ bên B trong việc giám sát, kiểm tra việc thu gom, bốc dỡ chất thải nguy hại lên xe chuyên dùng mang đi xử lý, cử nhân viên phối hợp việc giao nhận chất thải và lập chứng từ chất thải nguy hại.
- Thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng quy định tại điều 2 của hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm Bên B

- Chịu trách nhiệm xếp dỡ chất thải nguy hại và vận chuyển chất thải của Bên A tới kho lưu giữ và xử lý tại nhà máy của Bên B (Nhà máy xử lý chất thải của Công ty Hà Lộc tại: xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.
- Cán bộ, nhân viên của bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A. Nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường hoặc xử lý không đúng quy định sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận việc vận chuyển và xử lý số chất thải đã bàn giao sau đó giao lại Chứng từ đã xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định cho Bên A cùng hồ sơ đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Thời gian thu gom chất thải sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai Bên bằng văn bản hoặc điện thoại.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bạo lực, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 5 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí tòa án do bên có lỗi phải chịu.
- Nếu sau 90 ngày kể từ khi hợp đồng đã ký kết, nếu như Bên A không yêu cầu giao nhận chất thải nguy hại để mang đi xử lý thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý. Và Bên B sẽ có văn bản thông báo đến Sở tài nguyên môi trường.
- Những vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này, hai bên sẽ tuân thủ theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TUNG GEE KHIM

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Minh Trang



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 132 /TB-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường
trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 đối với
Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies**

Thực hiện Quyết định số 286/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

Căn cứ kết quả kiểm tra ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies, địa chỉ Lô I4, F03, đường N3, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Quản lý Khu Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý KCNC) thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung

Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies (sau đây gọi là Công ty) hoạt động tại địa chỉ Lô I4, F03, đường N3, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2121592824 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp, chứng nhận thay đổi lần 6 ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Tổng số lao động hiện nay khoảng 600 người.

Công suất hoạt động:

STT	Sản phẩm	Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Công suất năm 2022 (đơn vị)	Công suất 6 tháng đầu năm 2023 (đơn vị)
1	Dập hình nổi thép	Không thể hiện công suất	52.000.000 (cái)	23.800.000 (cái)
2	Ép nhựa	Không thể hiện công suất	23.000.000 (cái)	13.400.000 (cái)
3	Lắp ráp máy photocopy	Không thể hiện công suất	297.000 (cái)	105.000 (cái)

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty hoạt động bình thường.

2. Kết quả kiểm tra

2.1. Hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường

Công ty đã được Ban Quản lý KCNC cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 01/2004/MT-KCNC và số 02/2004/MT-KCNC ngày 31 tháng 5 năm 2004.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 79.000884.T (cấp lần 2) ngày 13 tháng 12 năm 2013.

2.2. Nguồn thải phát sinh và biện pháp xử lý

2.2.1. Quản lý chất thải:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ các hoạt động của căn tin, nhà ăn với khối lượng phát sinh 9.160 kg/năm (khối lượng phát sinh năm 2022). Biện pháp xử lý: năm 2022, Công ty đã chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý là Công ty TNHH Thương mại và xử lý Môi trường Sỹ Ngân. Năm 2023, Công ty chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý là Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao theo Hợp đồng số 45A/HĐ-SHTPCo-KDDV ngày 01 tháng 7 năm 2023.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phát sinh từ các công đoạn sản xuất với khối lượng phát sinh 148.050 kg/năm (khối lượng phát sinh năm 2022) Biện pháp xử lý: Công ty chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý là Công ty TNHH Thương mại và xử lý Môi trường Sỹ Ngân theo Hợp đồng số 01/HĐKT/2021 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Chất thải nguy hại: phát sinh từ các công đoạn sản xuất với khối lượng phát sinh 10.200 kg/năm (khối lượng phát sinh năm 2022). Biện pháp xử lý: Công ty chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý là Công ty TNHH Hà Lộc theo Hợp đồng số 351/2022/HĐXLCTNH/HL ngày 04 tháng 10 năm 2022.

2.2.2. Nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, lưu lượng trung bình khoảng 80m³/ngày.đêm. Biện pháp xử lý: Công ty xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

2.2.3. Khí thải: Công ty không phát sinh khí thải trong hoạt động sản xuất.

2.3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

Công ty đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2022 và gửi Ban Quản lý KCNC vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

3. Kết luận

Qua kết quả kiểm tra, Công ty đã thực hiện công tác phân loại, thu gom, lưu giữ và ký kết hợp đồng chuyển giao với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt; đã thu gom và có biện pháp xử lý nước thải sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của Khu Công nghệ cao; đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; chưa phát hiện Công ty vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Yêu cầu

Ban Quản lý KCNC đề nghị Công ty thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục thực hiện các cam kết trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

- Đảm bảo chất lượng nước thải phát sinh đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao được ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao; Thu gom, quản lý và chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định; Thường xuyên kiểm tra vệ sinh hệ thống thoát nước mưa.

- Rà soát thực hiện thủ tục hồ sơ môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Ban Quản lý KCNC thông báo kết quả kiểm tra cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies;
- Sở TN&MT TP.HCM (để biết);
- Phòng TN&MT - UBND TP.Thủ Đức (để biết);
- Phòng PC03 – Công an TP.HCM (để biết);
- Trưởng ban (để báo cáo);
- BQLCDA;
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.08.



**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Nghĩa Hiệp

PHỤ LỤC 1.2

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA KCNC

1. Quyết định số 333/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 23/03/2004 về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “đầu tư Xây dựng và kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh” tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;
2. Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 544/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp ngày 08/03/2019.
3. Văn bản số 795/KCNC-QHXDMT ngày 14/07/2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về thẩm quyền thực hiện việc thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường tại Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh.



Người ký: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG
NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH
Email: shp@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 17.07.2023 09:17:57 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 795 /KCNC-QHXDMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Về thẩm quyền thực hiện việc thẩm định,
phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp lại,
điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường tại
Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Ngày 24 tháng 6 năm 2023, Quốc hội ban hành Nghị Quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 98), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. Tại khoản 7 Điều 9 Nghị quyết số 98 quy định: “7. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố (Ban Quản lý)... thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý”.

Do đó, để giải quyết, xử lý chuyển tiếp đối với các hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường (hồ sơ) của các dự án trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

- Đối với các hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp nhận trước ngày 01 tháng 8 năm 2023, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp tục giải quyết theo quy định;

- Đối với các hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 8 năm 2023, Ban Quản lý sẽ tiếp nhận và giải quyết theo quy định tại Nghị quyết số 98./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban (để báo cáo);
- Văn phòng;
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Kh.lh

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Nghĩa Hiệp

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:333.../QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc : Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh” tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” họp ngày 12 tháng 01 năm 2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2004 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 91/CV-KCNC ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Chủ dự án). Báo cáo được phê duyệt không bao gồm nội dung về khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Khu công nghệ cao).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghệ cao các dự án đầu tư thuộc những ngành sản xuất như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành sản xuất khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghệ cao, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng Khu công nghệ cao như quy hoạch đã được phê duyệt; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo ít nhất 15% diện tích mặt bằng của Khu công nghệ cao.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghệ cao bảo đảm đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột B và TCVN 6984:2001 ứng với $Q=50-200m^3/s$, cột F2 trước khi thải vào lưu vực sông Tắc.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao phải bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh,
- UBND Tp. Hồ Chí Minh (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh (để phối hợp)
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

lt

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên



Số: 114 / QĐ-KCNC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1”.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 19/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính Phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;

Căn cứ Quy chuẩn số QCVN 24: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-KCNC ngày 05/7/2004 của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán hạng mục Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần công nghệ Biển Xanh lập tháng 1/2005;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-GT ngày 24/02/2005 của Sở Giao thông công chánh về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán gói thầu Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1;

Theo văn bản số 214/CV ngày 01/3/2007 của Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh về việc đề nghị xử lý sơ bộ pH trước khi xả thải vào nhà máy xử lý nước thải;

Xét Tờ trình số 57/TTr-QHXDMT ngày 29/12/2009 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường về việc đề nghị công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1”.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1” (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung ở Điều 1, Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường có trách nhiệm quản lý việc thoát nước thải cục bộ của các nhà đầu tư trong Khu công nghệ cao; Công ty Phát triển Khu công nghệ cao có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao – Giai đoạn 1 theo đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác Quốc tế, Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao; các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu./.



TRƯỞNG BAN

Lê Thái Hỷ



**TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ
NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM - GĐ1**
(Ban hành theo Quyết định số 21.1. /QĐ-KCNC ngày 30. tháng 12. năm 2009
của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh)

ST	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetraclôetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

Chất lượng nước thải sau xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt cột A - Bảng giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo Quy chuẩn số QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số: **544**/GP-BTNMTHà Nội, ngày **08** tháng **3** năm 2019**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ tại Km 1001, xa lộ Hà Nội, đường D1 Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) được xả nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Gò Công tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vị trí xả nước thải: tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°), như sau:

X: 1199251

Y: 618283

3. Phương thức xả nước thải: 



- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, rồi xả ra hồ sinh thái, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày Giấy phép hết hiệu lực, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
26	Clo dư	mg/l	0,81
27	Tổng PCB	mg/l	0,002
28	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
30	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội

dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.
3. Thực hiện quan trắc nước thải:
 - a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốtpho và lưu lượng nước thải.
 - b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.
4. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 17.000m³ trước ngày 01 tháng 6 năm 2021.
5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.
7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2125/GP-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-038.18) (02), TNN (02).

4

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

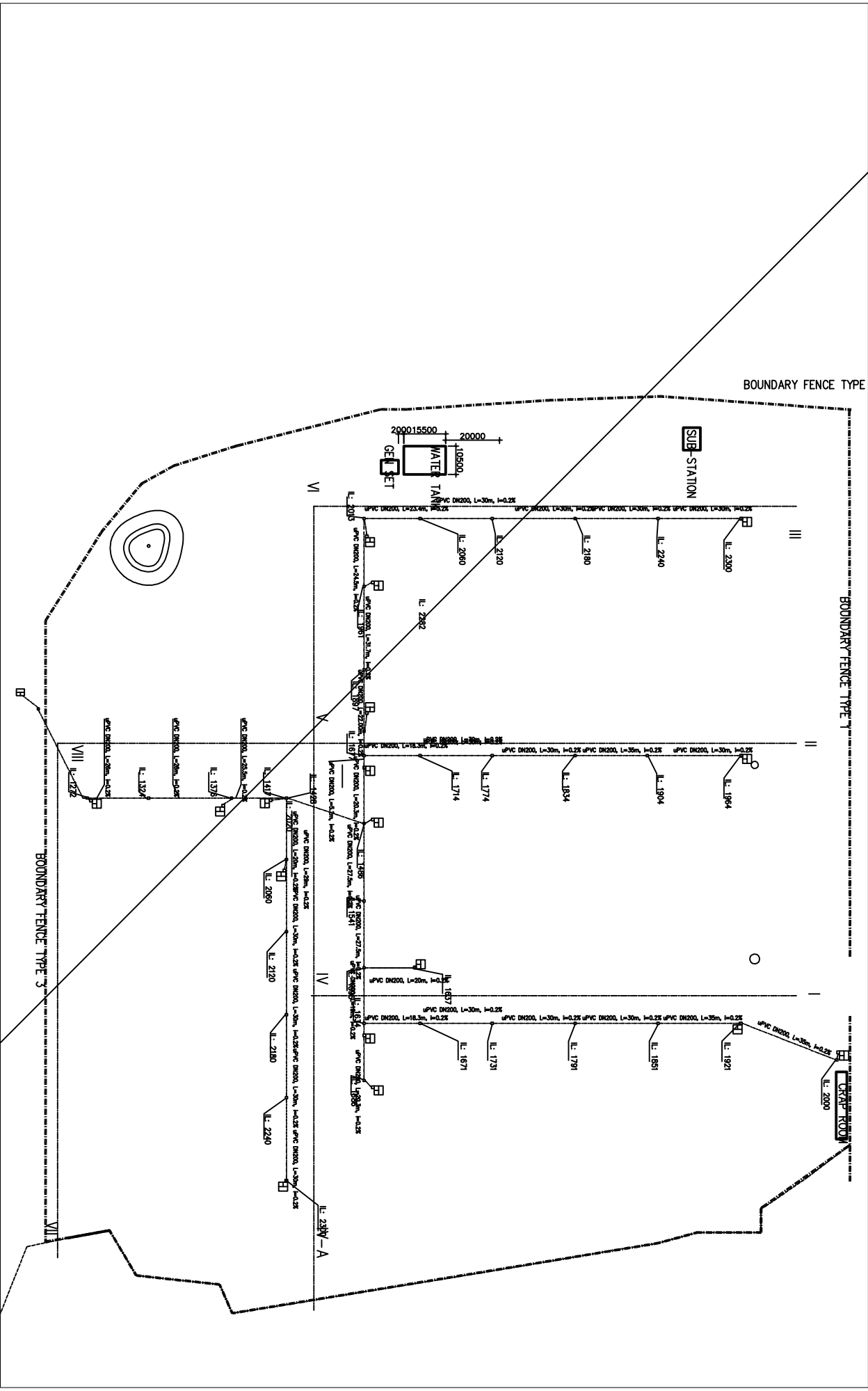




PHỤ LỤC 2

CÁC SƠ ĐỒ VÀ BẢN VẼ

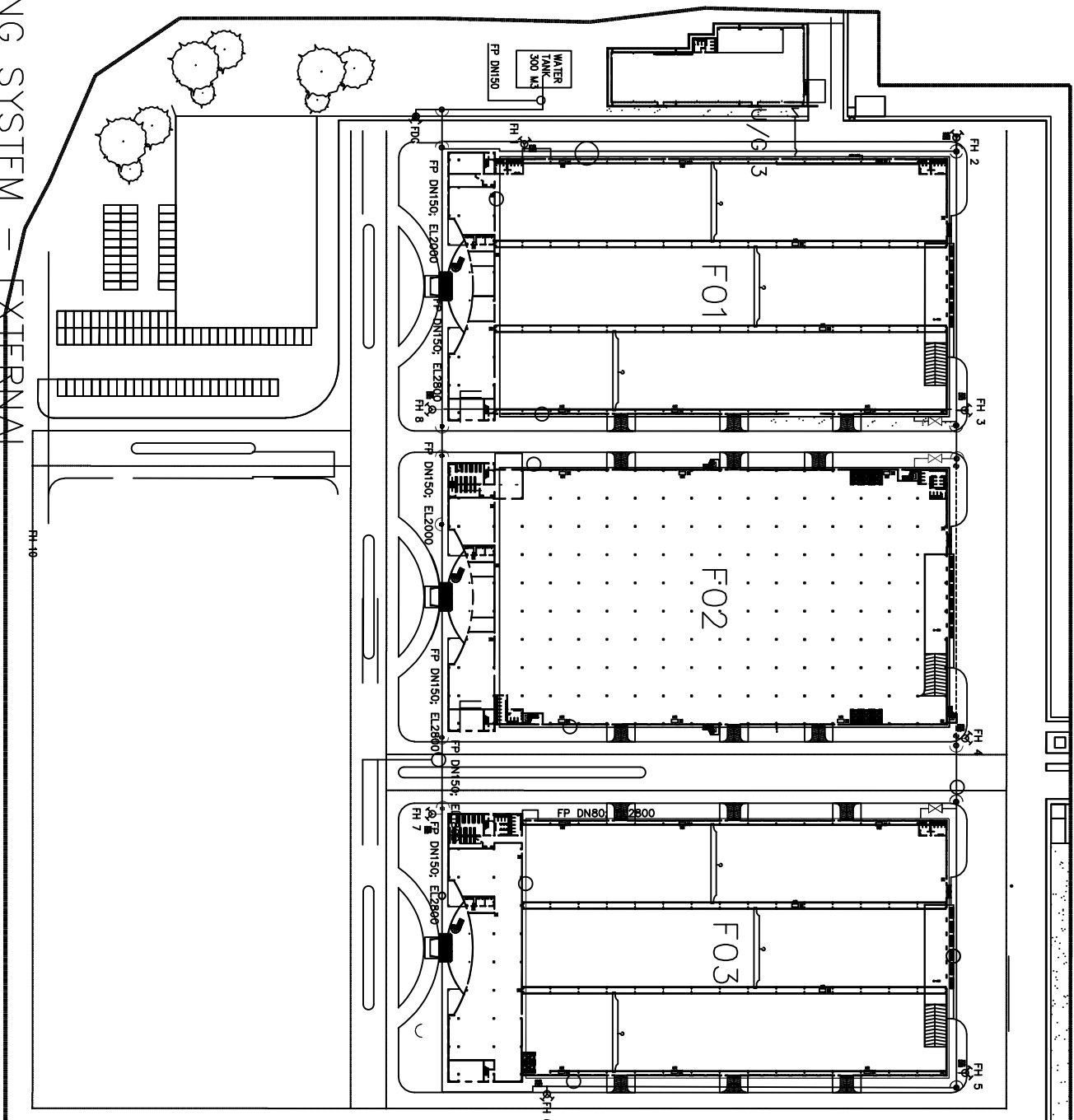
1. Bản vẽ mặt bằng tổng thể
2. Bản vẽ hệ thống cấp nước
3. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa
4. Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải
5. Bản vẽ thiết kế phòng cháy chữa cháy
6. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường



SEWERAGE LAYOUT PLAN
MÃT BÀNG THOẠT NƯỚC THẢI

PEOPLE'S COMMITTEE OF HOCHIMINH CITY		Project (dự án)		Owner (Chủ nhà)		Project management (Quản lý dự án)		Architect (Kiến trúc)		Local Consultant (Thư viện và tư vấn)		MAIN CONTRACTOR (Đơn vị thi công)		Director		Project manager		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name		Project code		Project date		Project status		Project description		Project location		Project name			
--------------------------------------	--	-----------------	--	-----------------	--	------------------------------------	--	-----------------------	--	---------------------------------------	--	-----------------------------------	--	----------	--	-----------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--------------	--	--------------	--	----------------	--	---------------------	--	------------------	--	--------------	--	--	--

LAYOUT OF FIRE FIGHTING SYSTEM – EXTERNAL



SHOP DRAWING

Owner (chủ nhà thầu):		M&E CONTRACTOR (Nhà thầu thi công M&E):		Director:		Lead:	Tham Quang	Rev:	
ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) Co., LTD		 VI AN CORPORATION 223/26 Cohen Miling Thong Tahn, Dist. 12, Ho Chi Minh City Tel : (846) 882 78 27 - , Fax : (846) 884 00 88 Email : wan@allied.vn		Project manager:	Chiu tri:		Nguyen Thanh Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		
				Check:			Quang Vub Phung		

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



KK1: vị trí quan trắc môi trường lao động xưởng sản xuất chi tiết nhựa đúc
KK2: vị trí quan trắc môi trường lao động xưởng sản xuất chi tiết kim loại dập nổi

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0940-2/2209

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 20/09/2022
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0940-2/2209

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 220920004_KK02-07)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK02	30,6	67,8	0,2	70,2
KK03	29,7	70,2	0,2	70,9
KK04	29,3	70,7	0,2	71,1
KK05	30,9	66,2	0,2	83,8
KK06	30,6	67,8	0,2	81,4
KK07	29,8	70,3	0,2	76,6
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0940-2/2209

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 220920004_KK02-07)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK02	0,20	0,078	0,075	5,42
KK03	0,23	0,074	0,070	5,24
KK04	0,18	0,062	0,066	5,29
KK05	0,22	0,071	0,068	5,32
KK06	0,20	0,068	0,064	5,25
KK07	0,19	0,073	0,069	5,37
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **3/3**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1197/2211

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
3. Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người gửi mẫu : Anh Hình
5. Ngày nhận mẫu : 22/11/2022
6. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

THS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1197/2211

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 221122012_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Cao	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
1	pH	-	6,99	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	< 15	300	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	67	600	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ *	mg/L	22	250	TCVN 6001-1:2008
5	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	10	SMEWW 3500-Fe. B : 2017
6	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,06)	1	SMEWW 3111 B:2017
7	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,03)	2	SMEWW 3111B:2017
8	Thiếc (Sn) [#]	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1	SMEWW 3120B: 2017
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,3)	5	SMEWW 5520B&F:2017
10	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	11 x 10 ²	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 – Vimcerts 078)
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Mẫu nước thải – Nước trong, ít cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0128-1/2303

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 15/03/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0128-1/2303

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230315002_KK01)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	31,2	68,2	0,3	60,3
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°48'31.5'', Vĩ độ: 10°50'49.1'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0128-1/2303

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230315002_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,16	0,060	0,064	5,25
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°48'31.5'', Vĩ độ: 10°50'49.1'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0128-1/2303

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 230315002_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Cao	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1	pH	-	7,43	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	18	300	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	70	600	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ *	mg/L	26	250	TCVN 6001-1:2008
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	10,1	29	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017
6	Tổng Nitơ*	mg/L	36,4	60	TCVN 6638:2000
7	Tổng phospho*	mg/L	3,25	14	SMEWW 4500-P.B&D:2017
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	1,87	100	SMEWW 5520B&F:2017
9	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	21 x 10 ²	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải tại hồ thu gom cuối cùng trước khi đầu nối (Kinh độ: 106°48'27.6'', Vĩ độ: 10°50'43.4'') – Nước hơi đen, hôi, ít cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/4**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-1/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Lê Minh Tân, Lê Lý Sĩ Liêm, Tạ Tiến Lập
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 29/05/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

L.BH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-1/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230529004_KK01)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	31,6	65,3	0,4	64,9
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°48'31.5'', Vĩ độ: 10°50'49.1'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **2/4**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-1/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230529004_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,17	0,062	0,066	5,22
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực công bảo vệ (Kinh độ: 106°48'31,5'', Vĩ độ: 10°50'49.1'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-1/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 230529004_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Cao	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1	pH	-	7,33	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	42	300	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	71	600	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ *	mg/L	28	250	TCVN 6001-1:2008
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	25,2	29	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017
6	Tổng Nitơ*	mg/L	51,8	60	TCVN 6638:2000
7	Tổng phospho*	mg/L	9,55	14	SMEWW 4500-P.B&D:2017
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	2,85	100	SMEWW 5520B&F:2017
9	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	28 x 10 ²	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải tại hố thu gom cuối cùng trước khi đầu nối (Kinh độ: 106°48'27.6'', Vĩ độ: 10°50'43.4'') – Nước hơi vàng, hơi nhiều cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/4**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-2/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Lê Minh Tân, Lê Lý Sĩ Liêm, Tạ Tiến Lập
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 29/05/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-2/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ÒN VÀ VI KHÍ HẬU

(Mã số mẫu: 230529004_KK02-07)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK02	30,9	64,3	0,2	80,6
KK03	31,0	65,1	0,2	79,5
KK04	31,1	63,6	0,2	83,2
KK05	31,3	63,5	0,2	79,8
KK06	30,8	64,7	0,2	81,1
KK07	31,1	65,0	0,2	80,7
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **2/3**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0299-2/2305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ

(Mã số mẫu: 230529004_KK02-07)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK02	0,17	0,076	0,079	5,32
KK03	0,20	0,072	0,077	5,52
KK04	0,23	0,077	0,081	5,47
KK05	0,26	0,080	0,083	5,45
KK06	0,25	0,078	0,072	5,36
KK07	0,23	0,067	0,076	5,31
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
 LBH/SX: **03/00**
 NBH: **02/05/2019**
 Trang: **3/3**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0704-2/2309

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
3. Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ
Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Minh Phương
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 07/09/2023
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0704-2/2309

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230907002_KK02-07)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK02	31,0	62,8	0,2	78,6
KK03	31,6	66,3	0,2	82,1
KK04	31,3	65,2	0,2	80,9
KK05	30,8	64,1	0,2	77,5
KK06	31,2	63,6	0,2	79,4
KK07	31,4	63,2	0,2	73,8
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0704-2/2309

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230907002_KK02-07)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK02	0,19	0,068	0,073	6,43
KK03	0,16	0,063	0,070	6,39
KK04	0,20	0,070	0,071	6,42
KK05	0,23	0,076	0,079	6,51
KK06	0,21	0,072	0,076	6,33
KK07	0,26	0,081	0,077	6,39
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	-
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK02: Khu vực đầu xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.6'', Vĩ độ: 10°50'48.9'')
- KK03: Khu vực giữa xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.4'', Vĩ độ: 10°50'50.0'')
- KK04: Khu vực cuối xưởng F01 (Kinh độ: 106°48'23.1'', Vĩ độ: 10°50'51.9'')
- KK05: Khu vực đầu xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.6'', Vĩ độ: 10°50'50.4'')
- KK06: Khu vực giữa xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.2'', Vĩ độ: 10°50'52.1'')
- KK07: Khu vực cuối xưởng F03 (Kinh độ: 106°48'29.0'', Vĩ độ: 10°50'53.3'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1406/2312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Minh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 04/12/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1406/2312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ

(Mã số mẫu: 231204007_KK01)

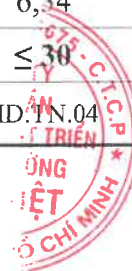
Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/Nm ³)	NO ₂ (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)
KK01	0,18	0,065	0,071	6,34
QCVN 05 : 2023/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD: TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°48'31.5'', Vĩ độ: 10°50'49.1'')



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

MS: BM.04.06

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

LBH/SX: 03/01

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

NBH: 02/05/2019

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trang: 3/3

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1406-2/2312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Minh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 04/12/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1405/2312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
- Địa chỉ : Lô I-4, F03, đường N3, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Minh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 04/12/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1405/2312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI (Mã số mẫu: 231204007_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Cao	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
1	pH	-	7,31	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	27	300	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	165	600	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ *	mg/L	95	250	TCVN 6001-1:2008
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	1,96	29	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017
6	Tổng Nitơ*	mg/L	55,2	60	TCVN 6638:2000
7	Tổng phospho*	mg/L	5,87	14	SMEWW 4500-P.B&D:2017
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	2,5	100	SMEWW 5520B&F:2017
9	Tổng Coliform	MPN/100mL	21 x 10 ²	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải tại hồ thu gom cuối cùng trước khi đầu nối (Kinh độ: 106°48'27.6'', Vĩ độ: 10°50'43.4'') – Nước vàng, có mùi, có cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

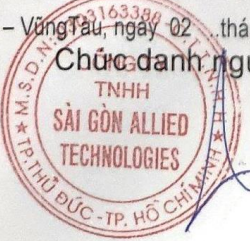
MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/2

PHỤ LỤC 4
BIÊN BẢN BÀN GIAO, CHỨNG TỪ
CHẤT THẢI

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Bà Rịa – Vũng Tàu		Số : 03/2023/1-2-3-4-5-6.019.VX/SG-Allied					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH HÀ LỘC		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.019.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 1219 Đường 30/4, phường 11, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT		ĐT: 0254.3623955					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, BRVT		ĐT:					
2. Chủ xử lý CS DV XL CTNH 2:		Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES		Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: Mã					
QLCTNH: 79.000884.T							
Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Lô 14,F03 Đường N3 ,Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức		ĐT: 08.37335663.....					
TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Nước thải nhiễm dầu		X		08 01 04	9.643	PT
02	Giẻ lau dính dầu	X			18 02 01	816	TĐ
03	Mực in thải	X			08 02 04	0	TĐ
04	Acquy thải	X			19 06 01	0	PT
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	30	HR
06	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn thải		X		17 02 04	0	TC
07	Phế thải kim loại dính dầu	X			11 04 01	0	TC
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kết (Chôn lấp)); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 72C.10936.....							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Cường Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 21/10/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 10 năm 2023 Chức danh người ký 				8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4. ngày 10 tháng 10 năm 2023 Chức danh người ký  <i>(Chữ ký)</i>			
@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Bà Rịa – Vũng Tàu		Số : 01/2022/1-2-3-4-5-6.019.VX/SG... <i>Allied</i>					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH HÀ LỘC		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.019.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 1219 Đường 30/4, phường 11, TP Vũng Tàu, tỉnh BR VT		ĐT: 0254.3623955					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, BRVT		ĐT:					
2. Chủ xử lý CS DV XL CTNH 2:		Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES		Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: Mã số QLCTNH: 79.000884.T					
Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Lô I4.F03 Đường N3 Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam		ĐT: ĐT: 08.37335663.....					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Nước thải nhiễm dầu		X		08 01 04	9.549	PT
02	Giẻ lau dính dầu	X			18 02 01	453	TĐ
03	Mực in thải	X			08 02 04	6	TĐ
04	Acquy thải	X			19 06 01	29	PT
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	105	HR
06	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn thải		X		17 02 04	17	TC
07	Phế thải kim loại dính dầu	X			11 04 01	0	TC
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....			
Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.				Số hiệu phương tiện vận chuyển: <i>72C.109.36</i>			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <i>Nguyễn Đức Cường</i>				Ký: <i>[Chữ ký]</i>		Ngày: <i>23/6/2023</i>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 2:.....				Ký:		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.			
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 ..tháng... 06.... năm 2023 Chức danh người ký 				ngày <i>29</i> ..tháng... <i>6</i> ... năm <i>2023</i> Chức danh người ký  <i>Nguyễn Minh Trang</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Bà Rịa – Vũng Tàu		Số : 01/2023/1-2-3-4-5-6.019.VX/SG.1111ED					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH HÀ LỘC		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.019.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 1219 Đường 30/4, phường 11, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT		ĐT: 0254.3623955					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, BRVT		ĐT:					
2. Chủ xử lý CS DV XL CTNH 2		Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES		Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: Mã số QLCTNH: 70.000884.T					
Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Lô 14.F03 Đường N3 Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam							
ĐT: 08.37335663.....							
Địa chỉ cơ sở:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Nước thải nhiễm dầu		X		08 01 04	9.563	PT
02	Giẻ lau dính dầu	X			18 02 01	559	TĐ
03	Mực in thải	X			08 02 04	6	TĐ
04	Acquy thải	X			19 06 01	9	PT
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	23	HR
06	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn thải		X		17 02 04	12	TC
07	Phế thải kim loại dính dầu	X			11 04 01	7	TC
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hòa rắn); CL (Cố lập đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 720.05567..			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Đông Xuân Cường</u>				Ký: <u>[Chữ ký]</u>		Ngày: <u>25/5/2023</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày:	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.			
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023 Chức danh người ký 				VT, ngày 4 tháng 4 năm 2023 Chức danh người ký  <u>[Chữ ký]</u> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số : 04/2023/1-2-3-4-5-6.019.VX/SG-ALLIED

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH HÀ LỘC**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.019.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 1219 Đường 30/4, phường 11, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT

ĐT: 0254.3623955

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu xử lý rác thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, BRVT

ĐT:

2. Chủ xử lý CS DV XL CTNH 2:.....Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES** Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: Mã số QLCTNH: 79.000884.T

Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Lô I4,F03 Đường N3 ,Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức, TP,Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 08.37335663.....

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Nước thải nhiễm dầu		X		08 01 04	9.255	PT
02	Giẻ lau dính dầu	X			18 02 01	238	TĐ
03	Mực in thải	X			08 02 04	0	TĐ
04	Acquy thải	X			19 06 01	0	PT
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	120	HR
06	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn thải		X		17 02 04	0	TC
07	Phế thải kim loại dính dầu	X			11 04 01	0	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 72C.10936.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Cường Ký:Ngày: 26/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 26 tháng 12 năm 2023

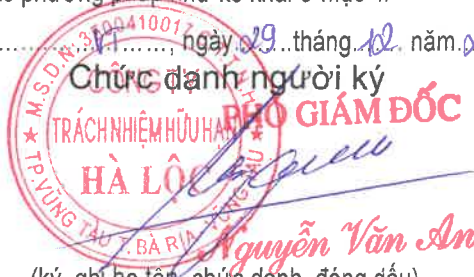
Chức danh người ký



8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

....., ngày 29 tháng 12 năm 2023

Chức danh người ký



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

©Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

13/01/2023

Thu của/Received from:

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description	Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu	
	Qty x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel) 9452	4,500
b)	Đồng (Copper)	60,000
c)	Nhôm (Aluminium)	25,000
d)	Inox (304)	20,000
e)	Inox (301)	12,000
f)	Giấy carton (Carton)	2,000
g)	Nilon PE	7,000
Tổng Cộng/Total		
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager
 Cao Thị Nga	 13.01.2023	

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

16/2/23
CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description		Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu		
	Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	x 4,500	6.212.500
b)	Đồng (Copper)	x 60,000	3.240.000
c)	Nhôm (Aluminium)	x 25,000	500.000
d)	Inox (304)	x 20,000	
e)	Inox (301)	x 12,000	840.000
f)	Giấy carton (Carton)	x 2,000	1.474.000
g)	Nilon PE	x 7,000	1.253.000
			69.429.500
Tổng Cộng/Total			
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager	Người trả tiền Paid by
 Cao Thi Nga			

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES
ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

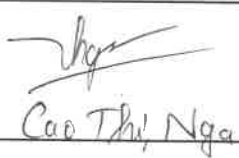
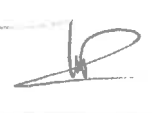
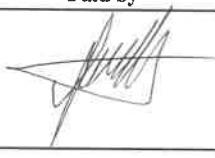
Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

10/3/23

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	11.777	x 5,000	58.885.000
b)	Đồng (Copper)	65	x 60,000	3.900.000
c)	Nhôm (Aluminium)	50	x 25,000	1.250.000
d)	Inox (304)		x 20,000	
e)	Inox (301)	170	x 12,000	2.040.000
f)	Giấy carton (Carton)	512	x 2,000	1.024.000
g)	Nilon PE	112	x 7,000	784.000
				67.883.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant		Kế Toán Trưởng Finance Manager		Người trả tiền Paid by
 Cao Thị Nga				

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

06/04/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	11.693	x 5,000	58.465.000
b)	Đồng (Copper)	55	x 60,000	3.300.000
c)	Nhôm (Aluminium)	30	x 25,000	750.000
d)	Inox (304)		x 20,000	
e)	Inox (301)	70	x 12,000	840.000
f)	Giấy carton (Carton)	483	x 2,000	966.000
g)	Nilon PE	117	x 7,000	819.000
				65.140.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant		Kế Toán Trưởng Finance Manager		Giám Đốc Điều Hành General Manager
Người trả tiền Paid by				

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

25/05/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	10.373	x 5,000	51.865.000
b)	Đồng (Copper)	42	x 60,000	2.520.000
c)	Nhôm (Aluminium)	35	x 25,000	875.000
d)	Inox (304)		x 20,000	
e)	Inox (301)	25	x 12,000	300.000
f)	Giấy carton (Carton)		x 2,000	
g)	Nilon PE		x 7,000	
				55.560.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager		Người trả tiền Paid by

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

16.10.6.12023
CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description		Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu		
	Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a) Phế liệu thép (Steel)	10.253	x 5,000	51.265.000
b) Đồng (Copper)	23	x 60,000	1.380.000
c) Nhôm (Aluminium)	11	x 25,000	275.000
d) Inox (304)		x 20,000	
e) Inox (301)	95	x 12,000	1.140.000
f) Giấy carton (Carton)		x 2,000	
g) Nilon PE		x 7,000	
			54.060.000
Tổng Cộng/Total			
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager	Người trả tiền Paid by

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Đã nhận đủ số tiền/Received : Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

01/10/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
	Qty	x	Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a) Phế liệu thép (Steel)	13.055	x	5,000	65.275.000
b) Đồng (Copper)	41	x	60,000	2.460.000
c) Nhôm (Aluminium)	25	x	25,000	625.000
d) Inox (304)	20	x	20,000	400.000
e) Inox (301)	56	x	12,000	672.000
f) Giấy carton (Carton)		x	2,000	
g) Nilon PE		x	7,000	
Tổng Cộng/Total				69.432.000
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager		Người trả tiền Paid by
				

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

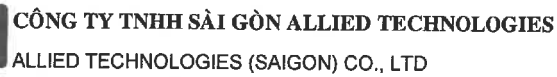
07/07/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	11.715	x 5,000	58.575.000
b)	Đồng (Copper)	3.5	x 60,000	2.100.000
c)	Nhôm (Aluminium)	5	x 25,000	1.25.000
d)	Inox (304)		x 20,000	
e)	Inox (301)	6.2	x 12,000	744.000
f)	Giấy carton (Carton)		x 2,000	
g)	Nilon PE		x 7,000	
				61.544.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager		Người trả tiền Paid by
				

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CASH RECEIPT VOUCHER

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

14/09/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Đã nhận đủ số tiền/Received : Collection of selling scrap of steel



CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

06/10/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN từ phế liệu			
	Qty	x	Unit Price / KG (Incl. 10% VAT)	
a) Phế liệu thép (Steel)	11.284	x	5,000	56.420.000
b) Đồng (Copper)	35	x	60,000	2.100.000
c) Nhôm (Aluminium)	20	x	25,000	500.000
d) Inox (304)	30	x	20,000	600.000
e) Inox (301)	80	x	12,000	960.000
f) Giấy carton (Carton)		x	2,000	
g) Nilon PE		x	7,000	
				60.580.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager	Người trả tiền Paid by	

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

03/11/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	196.6	x 5,000	9.830.000
b)	Đồng (Copper)	85	x 60,000	5.100.000
c)	Nhôm (Aluminium)	12	x 25,000	300.000
d)	Inox (304)	40	x 20,000	800.000
e)	Inox (301)	90	x 12,000	1.080.000
f)	Giấy carton (Carton)		x 2,000	
g)	Nilon PE		x 7,000	
				17.110.000
Tổng Cộng/Total				
Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager		Người trả tiền Paid by

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

01/12/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
	a) Phế liệu thép (Steel)	13.115	x 5,000	65.575.000
	b) Đồng (Copper)	35	x 60,000	2.100.000
	c) Nhôm (Aluminium)	10	x 25,000	250.000
	d) Inox (304)	25	x 20,000	500.000
	e) Inox (301)	105	x 12,000	1.260.000
	f) Giấy carton (Carton)		x 2,000	
	g) Nilon PE		x 7,000	
	Tổng Cộng/Total			69.685.000
	Kế toán Accountant	Kế Toán Trưởng Finance Manager	Giám Đốc Điều Hành General Manager	Người trả tiền Paid by
				

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

ALLIED TECHNOLOGIES (SAIGON) CO., LTD

PHIẾU THU

CASH RECEIPT VOUCHER

Số phiếu/S.No.

Ngày/Date:

Thu của/Received from:

22/12/2023

CTY TNHH TM&XL MT SY NGAN

Số/No	Diễn Giải Description			Số tiền Amount (VND)
	Scrap Income/ TN tu phe lieu			
		Qty	x Unit Price / KG (incl. 10% VAT)	
a)	Phế liệu thép (Steel)	1.679	x 5,000	8.395.000
b)	Đồng (Copper)	40	x 60,000	2.400.000
c)	Nhôm (Aluminium)	10	x 25,000	250.000
d)	Inox (304)	12	x 20,000	240.000
e)	Inox (301)	60	x 12,000	720.000
f)	Giấy carton (Carton)		x 2,000	
g)	Nilon PE		x 7,000	
Tổng Cộng/Total				12.005.000
Kế toán Accountant		Kế Toán Trưởng Finance Manager		Giám Đốc Điều Hành General Manager
				Người trả tiền Paid by

Đã nhận đủ số tiền/Received :

Collection of selling scrap of steel



**THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

2023

Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES

Địa chỉ văn phòng: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao Tp. Hồ Chí Minh, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 37335663

Địa chỉ cơ sở:

Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ văn phòng: Số 46/26 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834

3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao

Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao		
	Thùng 240L	Thùng 660L	KG		Thùng 240L	Thùng 660L	KG		Thùng 240L	Thùng 660L	KG
Tháng 1				Tháng 5				Tháng 9	4	6	984
Tháng 2				Tháng 6				Tháng 10	5	39	1032
Tháng 3				Tháng 7				Tháng 11		38	792
Tháng 4				Tháng 8				Tháng 12		44	792
Cộng	0	0	0	Cộng	0	0	0	Cộng	9	127	3600
Tổng cộng: 3.600kg				Tổng cộng: 9 thùng 240L				Tổng cộng: 127 thùng 660L			

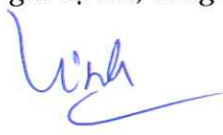
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

TP.HCM, ngày tháng năm....

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

TP.HCM, ngày 21 tháng 12 năm 2023

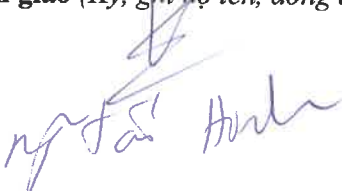
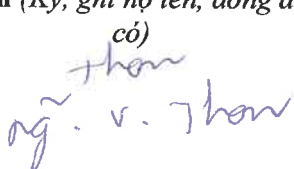
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Lương Phương Linh

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT 2023																																																																																													
Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ALLIED TECHNOLOGIES Địa chỉ văn phòng: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao Tp. Hồ Chí Minh, P. Long Thạnh Mỹ, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 37335663 Địa chỉ cơ sở:																																																																																														
Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Địa chỉ văn phòng: Số 46/26 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, Quận Bình Thạnh, TPHCM Địa chỉ cơ sở: 691 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028 39966834																																																																																														
3. Khối lượng: chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao																																																																																														
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Tháng</th> <th colspan="3">CTRSH chuyển giao</th> <th rowspan="2">Tháng</th> <th colspan="3">CTRSH chuyển giao</th> <th rowspan="2">Tháng</th> <th colspan="3">CTRSH chuyển giao</th> </tr> <tr> <th>Thùng 240L</th> <th>Thùng 660L</th> <th>KG</th> <th>Thùng 240L</th> <th>Thùng 660L</th> <th>KG</th> <th>Thùng 240L</th> <th>Thùng 660L</th> <th>KG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tháng 1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 5</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 9</td> <td>4</td> <td>6</td> <td>984</td> </tr> <tr> <td>Tháng 2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 6</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 10</td> <td>5</td> <td>39</td> <td>1032</td> </tr> <tr> <td>Tháng 3</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 7</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 11</td> <td></td> <td>38</td> <td>792</td> </tr> <tr> <td>Tháng 4</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 8</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Tháng 12</td> <td></td> <td>44</td> <td>792</td> </tr> <tr> <td>Cộng</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>Cộng</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>Cộng</td> <td>9</td> <td>127</td> <td>3600</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Tổng cộng: 3.600kg</td> <td colspan="3">Tổng cộng: 9 thùng 240L</td> <td colspan="3">Tổng cộng: 127 thùng 660L</td> <td colspan="3"></td> </tr> </tbody> </table>		Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao			Thùng 240L	Thùng 660L	KG	Thùng 240L	Thùng 660L	KG	Thùng 240L	Thùng 660L	KG	Tháng 1				Tháng 5				Tháng 9	4	6	984	Tháng 2				Tháng 6				Tháng 10	5	39	1032	Tháng 3				Tháng 7				Tháng 11		38	792	Tháng 4				Tháng 8				Tháng 12		44	792	Cộng	0	0	0	Cộng	0	0	0	Cộng	9	127	3600	Tổng cộng: 3.600kg			Tổng cộng: 9 thùng 240L			Tổng cộng: 127 thùng 660L					
Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao			Tháng	CTRSH chuyển giao																																																																																					
	Thùng 240L	Thùng 660L	KG		Thùng 240L	Thùng 660L	KG		Thùng 240L	Thùng 660L	KG																																																																																			
Tháng 1				Tháng 5				Tháng 9	4	6	984																																																																																			
Tháng 2				Tháng 6				Tháng 10	5	39	1032																																																																																			
Tháng 3				Tháng 7				Tháng 11		38	792																																																																																			
Tháng 4				Tháng 8				Tháng 12		44	792																																																																																			
Cộng	0	0	0	Cộng	0	0	0	Cộng	9	127	3600																																																																																			
Tổng cộng: 3.600kg			Tổng cộng: 9 thùng 240L			Tổng cộng: 127 thùng 660L																																																																																								
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3																																																																																														
TP.HCM, ngày tháng năm.... Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	TP.HCM, ngày 21 tháng 12 năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Lương Phương Linh																																																																																													

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT	
Hồ Chí Minh		Số: <u>1</u> /2023	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển: Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies Địa chỉ văn phòng: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663 Địa chỉ cty: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: Công TNHH TM &XL MÔI TRƯỜNG SỸ NGÂN Địa chỉ văn phòng: 338 Nguyễn Thị Minh Khai, KP. Đông Chiêu, P. Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở xử lý: khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Khu Phố 1B, P. Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	CTRSH	2360	
2			
	Tổng khối lượng	2360	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Thị Đức, ngày <u>30</u> tháng <u>3</u> năm <u>2023</u> Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) 		Thị Đức, ngày <u>30</u> tháng <u>3</u> năm <u>2023</u> Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) 	

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT	
Hồ Chí Minh		Số: 02 /2023	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển: Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies Địa chỉ văn phòng: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663 Địa chỉ cty: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: Công TNHH TM &XL MÔI TRƯỜNG SỸ NGÂN Địa chỉ văn phòng: 338 Nguyễn Thị Minh Khai, KP. Đông Chiêu, P. Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở xử lý: khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Khu Phố 1B, P. Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	CTRSH	2400	
2			
	Tổng khối lượng	2400	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
TPHCM, ngày 29 tháng 6 năm 2023 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Ng. Văn Hùng		TPHCM, ngày 29 tháng 6 năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Thon Ng. V. Thon	

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ Hồ Chí Minh		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT Số: 08/2023	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển: Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies Địa chỉ văn phòng: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663 Địa chỉ cty: Lô I4, F03, Đường N3, Khu Công Nghệ Cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08.037335663			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: Công TNHH TM &XL MÔI TRƯỜNG SỸ NGÂN Địa chỉ văn phòng: 338 Nguyễn Thị Minh Khai, KP. Đông Chiêu, P. Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở xử lý: khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Khu Phố 1B, P. Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	CTRSH	2100	
2			
	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
TP.HCM, ngày 20 tháng 5 năm 2023 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn Văn Hùng		TP.HCM, ngày 20 tháng 5 năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn Văn Thôn	